

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT
NAM - CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 63/2022/VLC/CV-CBTT
V/v: tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2022
HaNoi City, dated 18th May, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK HÀ NỘI

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND HANOI STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: VLC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38626769, Fax: (024.38623645
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Lê Huy Bích
- Chức vụ/ *Position*: Giám đốc tài chính/Chief Finance Officer

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố/ Content of Information disclosure:

Ngày 18/05/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP ban hành Nghị quyết số: 10/2022/VLC/NQ-HĐQT thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Công ty đã công bố tài liệu trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>. Công ty sẽ tiếp tục cập nhật tài liệu và nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 trên đường link này. Đề nghị quý cổ đông thường xuyên cập nhật thông tin trên website của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lê Huy Bích
Giám đốc tài chính

TỔNG CÔNG TY
CHĂN NUÔI VIỆT NAM-CTCP
Số: 10/2022/VLC/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2022

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Quy định của Luật doanh nghiệp và Luật kế toán về chức danh Kế toán trưởng;
- Điều lệ của Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP (“Công ty”);
- Biên bản họp HĐQT số: 10/2022/VLC/BB-HĐQT ngày 18 tháng 05 năm 2022

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty bao gồm các nội dung sau:

1. Nội dung báo cáo và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị “HĐQT” năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát “BKS” năm 2021;
4. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021;
5. Phân phối lợi nhuận năm 2021;
6. Kế hoạch, doanh thu, lợi nhuận năm 2022;
7. Kế hoạch cổ tức năm 2022;
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022;
9. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022;
10. Sửa đổi điều lệ Công ty;
11. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
12. Sửa đổi quy chế hoạt động của HĐQT;
13. Dự án đầu tư của Công ty;
14. Kế hoạch phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn;
15. Kế hoạch chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE)
16. Miễn nhiệm thành viên HĐQT;
17. Miễn nhiệm thành viên BKS;
18. Thông qua số lượng thành viên HĐQT;
19. Bầu bổ sung thêm thành viên HĐQT;
20. Bầu bổ sung thêm thành viên BKS;
21. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
22. Thông báo đề cử, ứng cử của HĐQT và BKS;



Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận

- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT



Mai Kiều Liên





TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Địa chỉ liên hệ: Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 3 862 6763
Mã số doanh nghiệp: 0100104443 do Sở KH & ĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010.

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“Vilico” hoặc “Công ty”) trân trọng kính mời Quý Cổ đông có thông tin dưới đây tham dự Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 của Vilico:

Tên cổ đông : (in đậm & font size lớn)
Địa chỉ : (in đậm & font size lớn)
Điện thoại : (in đậm & font size lớn)
Số đăng ký sở hữu (do Trung tâm lưu ký cấp) :

Thông tin cụ thể về ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Vilico như sau:

- Thời gian họp:** Thứ Tư, ngày 08/06/2022, dự kiến khai mạc từ 9h00 sáng và kết thúc lúc 12h00 trưa (giờ Việt Nam).
- Hình thức họp:** họp trực tuyến từ số 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh và áp dụng bỏ phiếu điện tử (cho phần biểu quyết và bầu cử).
(Lưu ý: Quý Cổ đông tham dự họp trực tuyến và không đến địa điểm nêu trên).
- Tài liệu Đại hội:** Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/> chậm nhất vào ngày 18/05/2022. Để tạo điều kiện và hỗ trợ Quý Cổ đông đăng ký tham dự và biểu quyết tại đại hội trực tuyến, Công ty cũng sẽ đăng tải hướng dẫn cách thức đăng ký tham dự và biểu quyết tại đại hội trực tuyến tại địa chỉ website nêu trên.
- Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:** Trường hợp Quý Cổ đông không dự họp và ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp, vui lòng gửi giấy ủy quyền hợp lệ theo đường bưu điện về địa chỉ nhận thư nêu tại Mục 5 dưới đây hoặc gửi về địa chỉ email: ha.ht@vilico.vn chậm nhất vào ngày 06/06/2022. Quý cổ đông có thể tải mẫu Giấy ủy quyền từ địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>, hoặc Quý Cổ đông có thể tự lập giấy ủy quyền, trong đó phải nêu rõ thông tin Bên ủy quyền, Bên nhận ủy quyền, nội dung ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
- Mọi thông tin liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Quý Cổ đông vui lòng liên hệ:
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Người liên hệ: Hoàng Thị Hà - Email: ha.ht@vilico.vn

Trân trọng,

TP. Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

MAI KIỀU LIÊN



GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: *Tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022*
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tên Cổ đông:
Địa chỉ:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (trường hợp Cổ đông là tổ chức):
Tổng số cổ phần sở hữu:
(sau đây gọi tắt là “**Bên Ủy Quyền**”)

Bảng văn bản này ủy quyền cho Cá nhân/Tổ chức có tên sau đây:

Tên Cá nhân/Tổ chức:
Địa chỉ:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....¹
Ngày cấp: Nơi cấp:
Số điện thoại: Email:²
(sau đây gọi tắt là “**Bên Được Ủy Quyền**”)

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên Được Ủy Quyền sẽ là người đại diện theo ủy quyền của Bên Ủy Quyền liên quan đến [.....]³ cổ phần thuộc sở hữu của Bên Ủy quyền và sẽ đại diện cho Bên Ủy Quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (“**ĐHĐCĐ**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Công ty**”) được tổ chức vào ngày 08/06/2022 và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tương ứng với số cổ phần nêu trên theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Bên Được Ủy Quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được quyền theo Giấy ủy quyền này.

Các Bên hiểu rõ tính chất, hậu quả pháp lý và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền và nhận ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp ĐHCĐ của Công ty.

....., ngày tháng..... năm 2022

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

¹ Vui lòng gửi bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN của Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền. Trường hợp Bên Được Ủy Quyền là tổ chức, vui lòng gửi kèm văn bản ủy quyền/giấy giới thiệu của tổ chức cho người đại diện của tổ chức đó tham dự ĐHCĐ (đính kèm theo CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện tham dự).

² Vui lòng cung cấp số điện thoại di động và email của người đại diện tham dự họp để Công ty có thể gửi mã xác thực (OTP) cho người đó đăng nhập vào hệ thống họp trực tuyến.

³ Điền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần mà Cổ đông sở hữu, tùy theo quyết định của Cổ đông.

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- (i) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (ii) Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022, có hiệu lực từ ngày 01/03/2022;
- (iii) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (iv) Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Điều lệ**”); và
- (v) Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Quy chế quản trị**”).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là “**Quy chế**”) như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là “**ĐHĐCĐ**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (gọi tắt là “**Công ty**” hoặc “**Vilico**”) bằng hình thức Đại Hội Trục Tuyển (như được định nghĩa tại Khoản 7 Điều 2 dưới đây) và quy định việc Biểu Quyết, Bầu Cử bằng phương thức Bỏ Phiếu Điện Tử (như được định nghĩa tại Khoản 3 Điều 2 dưới đây) của các Cổ Đông tại Đại Hội Trục Tuyển.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông và các bên tham gia Đại Hội Trục Tuyền; điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Trục Tuyền; cách thức biểu quyết để thông qua nghị quyết về các vấn đề của ĐHĐCĐ và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát.
3. Cổ Đông, Người Đại Diện Của Cổ Đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. **“Ban tổ chức ĐHĐCĐ”**: là bộ phận được thành lập để phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức Đại Hội Trục Tuyền.
2. **“Bầu Cử”**: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số ứng viên vào Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát của Công ty.
3. **“Biểu Quyết”**: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
4. **“Bỏ Phiếu Điện Tử”**: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử thông qua Hệ Thống Trục Tuyền.
5. **“Người Đại Diện Của Cổ Đông”**: là người được Cổ Đông ủy quyền hợp lệ bằng văn bản để tham dự Đại Hội Trục Tuyền và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
6. **“Chương Trình Nghị Sự”**: là các nội dung, vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ để Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử.
7. **“Cổ Đông”**: là người sở hữu cổ phần của Vilico, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tính đến ngày đăng ký cuối cùng (ngày 06/05/2022), do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
8. **“Đại Hội Trục Tuyền”**: là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ có sử dụng phương tiện điện tử để kết nối, truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi diễn biến của cuộc họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề của cuộc họp và thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát.
9. **“Đăng Ký Tham Dự Đại Hội Trục Tuyền”**: là việc Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trục Tuyền và thực hiện xác thực tư cách cổ đông để tham dự Đại Hội Trục Tuyền.
10. **“Địa Điểm Tổ Chức Đại Hội Trục Tuyền”**: là địa điểm mà Chủ tọa có mặt để chủ trì Đại Hội Trục Tuyền.
11. **“Hệ Thống Trục Tuyền”**: là tổng hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (bao gồm nhưng không giới hạn thiết bị phần cứng, ứng dụng, phần mềm/website) được Công ty thiết lập và sử dụng để tổ chức, vận hành Đại Hội Trục Tuyền và tổ chức thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trục Tuyền để đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến, thảo luận, thực hiện Biểu Quyết và Bầu Cử theo hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử.
12. **“Thời Điểm Mở Hệ Thống”**: là thời điểm bắt đầu cho phép Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng nhập vào Hệ Thống Trục Tuyền để đăng ký tham dự Đại Hội Trục Tuyền và

thực hiện Biểu Quyết, Bầu Cử bằng hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử. Hệ Thống Trực Tuyến sẽ được mở chính thức kể từ 0 giờ ngày 06/06/2022 (theo giờ Việt Nam).

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được tham dự Đại Hội Trực Tuyến và biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Chương Trình Nghị Sự theo quy định của Điều lệ, Quy chế này và hướng dẫn của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ.
2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham gia Đại Hội Trực Tuyến có quyền phát biểu ý kiến và thảo luận tại ĐHĐCĐ thông qua Hệ Thống Trực Tuyến theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
3. Cổ Đông được đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến, theo dõi diễn biến tại cuộc họp ĐHĐCĐ trên các thiết bị điện tử (ví dụ: máy tính, laptop, điện thoại...) và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.

Trường hợp Cổ Đông ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này, sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, Công ty sẽ cấp quyền để Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến và tham dự Đại Hội Trực Tuyến nhân danh Cổ Đông đã thực hiện ủy quyền nói trên.

Cổ Đông đã ủy quyền cho Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại Đại Hội Trực Tuyến vẫn có thể đăng nhập vào Hệ Thống Trực Tuyến để theo dõi, thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến. Tuy nhiên, Cổ Đông đó sẽ không thể thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử. Cổ Đông chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc ủy quyền và kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến của Công ty.

4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có trách nhiệm bảo mật các thông tin cá nhân của mình và các thông tin định danh khác do Công ty cung cấp (như mã xác thực, mã OTP...) để đảm bảo chỉ có Cổ Đông/Người Đại Diện của Cổ Đông mới có thể truy cập vào Hệ Thống Trực Tuyến để tham dự, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến.
5. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, tuân theo sự điều khiển/điều hành của Chủ tọa trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp và tôn trọng kết quả của Đại Hội Trực Tuyến. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không được gây rối hoặc gây mất trật tự trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.

ĐIỀU 4. ĐOÀN CHỦ TỌA

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa của Đại Hội Trục Tuyến (“**Chủ tọa**”). Hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác (theo đề nghị của Chủ tọa) cùng tham gia để điều hành Đại Hội Trục Tuyến (gọi là “**Đoàn Chủ tọa**”).
2. Các thành viên trong Đoàn Chủ tọa tuân theo sự chỉ đạo/điều hành chính của Chủ tọa trong việc bàn bạc, thảo luận các vấn đề liên quan đến việc điều hành Đại Hội Trục Tuyến. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, quyết định của Chủ tọa là quyết định cuối cùng.
3. Đoàn Chủ tọa hỗ trợ Chủ tọa điều hành Đại Hội Trục Tuyến theo đúng quy định tại Quy chế này và nội dung Chương Trình Nghị Sự đã được ĐHĐCĐ thông qua.
4. Đoàn Chủ tọa thảo luận về vấn đề trình tự, thủ tục và/hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội Trục Tuyến, và quyết định của Chủ tọa sẽ là phán quyết cao nhất.
5. Đoàn Chủ tọa được tiến hành các biện pháp được cho là cần thiết để có thể điều khiển Đại Hội Trục Tuyến một cách hợp lệ và có trật tự.

ĐIỀU 5. BAN THƯ KÝ

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký của Đại Hội Trục Tuyến (“**Ban Thư ký**”).
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc sau:
 - a) Tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông trong suốt quá trình diễn ra Đại Hội Trục Tuyến và chuyển cho Đoàn Chủ tọa;
 - b) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của Đại Hội Trục Tuyến và những vấn đề đã được các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội Trục Tuyến;
 - c) Soạn thảo nội dung biên bản họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội Trục Tuyến;
 - d) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa liên quan đến Đại Hội Trục Tuyến.

ĐIỀU 6. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức ĐHĐCĐ. Số lượng và thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức ĐHĐCĐ quyết định.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra các giấy ủy quyền của Cổ Đông gửi về cho Công ty;
- b) Kiểm tra tư cách của Cổ Đông và Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyến theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Quy chế này; và
- c) Trường Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHĐCĐ về số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyến và tuyên bố khai mạc Đại Hội Trục Tuyến khi đáp ứng điều kiện nêu tại Điều 9.1 của Quy chế này.

ĐIỀU 7. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ban Kiểm phiếu gồm ba (03) người, bao gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Ban Kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a) Hướng dẫn cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cách thức thực hiện việc Biểu Quyết và Bầu Cử tại Đại Hội Trục Tuyển bằng hình thức Bỏ Phiếu Trục Tuyển;
 - b) Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử;
 - c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
 - d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

ĐIỀU 8. ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự Đại Hội Trục Tuyển theo Tài Liệu Hướng Dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ <https://www.vilico.vn/>.
2. Ủy quyền tham dự Đại Hội Trục Tuyển:
 - a) Cổ Đông có thể ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần có quyền biểu quyết của mình cho cá nhân hoặc tổ chức khác (“**Người Đại Diện Của Cổ Đông**”) thay mặt Cổ Đông tham dự Đại Hội Trục Tuyển và/hoặc thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.
 - b) Việc ủy quyền được xem là hợp lệ và có giá trị pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - (i) Việc ủy quyền phải được thiết lập bằng văn bản ủy quyền (có thể theo mẫu giấy ủy quyền của Công ty hoặc do Cổ Đông tự lập), trong đó phải ghi rõ thông tin của cá nhân/tổ chức được Cổ Đông ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, được ký và đóng dấu (nếu có) bởi bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền.
 - (ii) Công ty nhận được văn bản ủy quyền hợp lệ chậm nhất là vào ngày **06/06/2022**. Văn bản ủy quyền có thể được gửi cho Công ty bằng thư điện tử (email), bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm.
 - c) Hủy bỏ ủy quyền: Trường hợp Cổ Đông muốn hủy bỏ việc ủy quyền hợp lệ trước đó, Cổ Đông phải gửi văn bản thông báo cho Công ty (giao trực tiếp, gửi bằng email, bằng đường bưu điện hoặc dịch vụ chuyển phát có bảo đảm) chậm nhất là **5 giờ chiều ngày 07/06/2022**. Việc hủy bỏ ủy quyền có hiệu lực kể từ thời điểm Công ty nhận được đề nghị bằng văn bản hợp lệ của Cổ Đông.
3. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông truy cập vào đường dẫn (link) được Công ty công bố để xác thực tư cách cổ đông, tham dự Đại Hội Trục Tuyển và thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử.

ĐIỀU 9. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào:
 - (1) Sổ Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ Thống Trực Tuyến trong khoảng thời gian từ Thời Điểm Mở Hệ Thống đến thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp (9 giờ 00 phút ngày 08/06/2022), và
 - (2) Sổ Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng cập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến từ 7 giờ 00 phút đến 9 giờ 00 phút ngày 08/06/2022 để đăng ký tham dự Đại Hội Trực Tuyếnđể làm cơ sở xác định tổng số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến tại thời điểm khai mạc cuộc họp, qua đó xác định tổng số cổ phần mà họ sở hữu và/hoặc đại diện để làm cơ sở xác định đủ điều kiện khai mạc Đại Hội Trực Tuyến theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.
2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước ĐHCĐ về số lượng Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự, tổng số cổ phần mà các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sở hữu và/hoặc đại diện, và tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc để xác định điều kiện tiến hành Đại Hội Trực Tuyến.
3. Đại Hội Trực Tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đăng ký dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (theo danh sách cổ đông tính đến ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp là ngày 06/05/2022).

ĐIỀU 10. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại Hội Trực Tuyến.
2. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thảo luận tại Đại Hội Trực Tuyến bằng cách phát biểu trực tiếp hoặc gửi câu hỏi/ý kiến cho Đoàn Chủ tọa thông qua Hệ Thống Trực Tuyến. Thư ký có trách nhiệm tổng hợp và tóm tắt câu hỏi, ý kiến của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông và chuyển cho Đoàn Chủ tọa.
3. Việc thảo luận và giải đáp câu hỏi, thắc mắc của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông được thực hiện theo nguyên tắc và cách thức như sau:
 - a) Chủ tọa căn cứ thời gian chương trình cuộc họp để bố trí, sắp xếp việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông.
 - b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cần phát biểu ngắn gọn, phù hợp với những nội dung của Chương Trình Nghị Sự. Chủ tọa có quyền loại các câu hỏi ra khỏi nội dung thảo luận và/hoặc dừng việc phát biểu của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông nếu nhận thấy câu hỏi hay thảo luận đó trùng lặp hoặc không liên quan đến nội dung Chương Trình Nghị Sự.

- c) Trong trường hợp việc thảo luận vượt quá thời gian của chương trình họp, các câu hỏi chưa trả lời tại Đại Hội Trực Tuyến sẽ được Thư ký ghi nhận và Ban chủ tọa có thể trả lời sau cho Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông bằng email hoặc theo các hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 11. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI TRỰC TUYẾN

1. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến thông qua hình thức Bỏ Phiếu Điện Tử theo quy định tại Quy chế này.
2. Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện quyền biểu quyết trên Hệ Thống Trực Tuyến mà Công ty đã thiết lập.
3. Thời điểm biểu quyết:
Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết vào các thời điểm sau đây:
 - (i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trực Tuyến đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trực Tuyến; và/hoặc
 - (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trực Tuyến (bắt đầu từ thời điểm khai mạc và theo diễn biến của Đại Hội Trực Tuyến).
4. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông đã thực hiện Bỏ Phiếu Điện Tử vẫn có thể thay đổi ý kiến biểu quyết nhưng việc thay đổi này phải thực hiện trước thời điểm kết thúc phiên biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết. Kể từ thời điểm kết thúc phiên biểu quyết của từng vấn đề, tính năng biểu quyết trên Hệ Thống Trực Tuyến cho vấn đề đó sẽ bị khóa, và Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã biểu quyết. Kết quả biểu quyết sau cùng được ghi nhận trên Hệ Thống Trực Tuyến sẽ được Công ty ghi nhận là kết quả biểu quyết cuối cùng của Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tính đến thời điểm đóng phiên biểu quyết và kết quả đó sẽ được cộng vào kết quả kiểm phiếu.
 - a) Thời gian thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự tại Hội Nghị Trực Tuyến sẽ được Chủ Tọa hoặc MC thông báo. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông phải đảm bảo thực hiện việc biểu quyết trước khi kết thúc thời gian này.
 - b) Cổ Đông hoặc Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự Đại Hội Trực Tuyến sau khi cuộc họp khai mạc thì vẫn có quyền tham gia Bỏ Phiếu Điện Tử. Trong trường hợp này hiệu lực/kết quả biểu quyết của những nội dung đã thực hiện biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.
5. Thực hiện Biểu Quyết:
 - a) Sau khi đăng nhập thành công vào Hệ Thống Trực Tuyến, Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết các nội dung của Chương Trình Nghị Sự bằng Bỏ Phiếu Điện Tử.
 - b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào một (01) trong ba (03) ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung cần biểu quyết.

Các kết quả biểu quyết chỉ được tính khi Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông hoàn tất việc biểu quyết đối với tất cả các vấn đề của Chương Trình Nghị Sự và thực hiện gửi kết quả biểu quyết thông qua Hệ Thống Trực Tuyến.

- c) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông khi gặp vấn đề, sự cố về việc Bỏ Phiếu Điện Tử trên Hệ thống Trực Tuyến có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

4. Kết Quả Kiểm Phiếu

- a) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả Bỏ Phiếu Điện Tử để tổng hợp kết quả biểu quyết của tất cả Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến.
- b) Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng vấn đề biểu quyết và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) chữ số thập phân.
- c) Kết quả biểu quyết được Ban Kiểm phiếu ghi nhận trong Biên bản kiểm phiếu và công bố ngay tại Đại Hội Trực Tuyến. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
- d) Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông đã tham dự và thực hiện biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến;
 - Tổng số cổ phần chọn “**Tán thành**”, “**Không tán thành**” và “**Không có ý kiến**” đối với từng vấn đề biểu quyết và tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Trực Tuyến; và
 - Các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 12. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát:

- a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu nhân với tổng số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm Soát.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A có 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Tổng số phiếu bầu của Cổ đông Nguyễn Văn A là 10.000 x [số thành viên cần bầu].

- b) Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông sẽ thực hiện việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát thông qua Hệ Thống Trực Tuyến bằng cách Bỏ Phiếu Điện Tử.

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể (1) dồn toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng viên cụ thể; hoặc (2) phân phối số phiếu bầu của mình cho các ứng viên được chọn theo từng số phiếu cụ thể; hoặc (3) phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông cũng có thể phân phối một phần tổng số

phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào khác. Các Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông thực hiện việc phân phối phiếu bầu của mình cho ứng viên theo các hướng dẫn cụ thể được mô tả trên Hệ Thống Trực Tuyến và/hoặc bởi Trưởng Ban Kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử:

- a) Đối với việc bầu thành viên HĐQT: Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ sẽ dựa vào số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu trong đợt bầu cử này và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ. Trong đó, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đủ số lượng thành viên độc lập cần bầu, việc chọn các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại).
- b) Đối với việc bầu thành viên Ban Kiểm soát: Ban Tổ Chức ĐHĐCĐ sẽ dựa vào số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu trong đợt bầu cử này.
- c) Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm Soát phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

3. Thời điểm thực hiện bầu cử:

Cổ Đông/Người Đại Diện Của Cổ Đông có thể thực hiện bầu cử:

- (i) từ Thời Điểm Mở Hệ Thống Trực Tuyến đến trước thời điểm khai mạc Đại Hội Trực Tuyến; và/hoặc
- (ii) trực tiếp tại Đại Hội Trực Tuyến (bắt đầu từ thời điểm khai mạc cuộc họp cho đến khi kết thúc phiên biểu quyết và bầu cử theo thông báo của Chủ tọa).

4. Kiểm tra và thông báo kết quả bầu cử:

- a) Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu bầu cử phải ghi rõ các nội dung sau:

- Tên và tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.
 - Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát đã trúng cử bổ sung cho nhiệm kỳ 2020-2024.
- b) Trưởng Ban kiểm phiếu thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trước ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 13. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nội dung của Chương Trình Nghị Sự được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 14. BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại Đại Hội Trực Tuyến phải được Thư ký ghi vào Biên bản họp.
2. Biên bản họp phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 15. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành và được áp dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tổ chức vào ngày 08/06/2022.



Chủ tịch

MAI KIỀU LIÊN



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP
(Mã chứng khoán: VLC)

Tài liệu họp

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
Ngày 08/06/2022



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Thời gian dự kiến: 09:00 – 12:00 Thứ Tư, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Hình thức tổ chức: Trực tuyến tại số 10 Tân Trào, Quận 7, Tp. HCM

Thời gian dự kiến	Nội dung
09:00 – 09:05	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
09:05 – 09:10	Khai mạc Đại hội; Giới thiệu đại biểu, khách mời
09:10 – 09:15	Thông qua quy chế tổ chức Đại hội
09:15 – 09:25	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu Đoàn chủ tịch- Công bố kết quả bầu Ban kiểm phiếu- Công bố kết quả biểu quyết Chương trình Đại hội
09:25 – 10:00	Các nội dung trình ĐHĐCĐ phê duyệt: <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2021;2. Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2021;3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;4. Phân phối lợi nhuận năm 2021;5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022;6. Kế hoạch cổ tức năm 2022;7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022;8. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2022;9. Sửa đổi Điều lệ Công ty;10. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty;11. Sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT;12. Dự án đầu tư của Công ty;13. Kế hoạch phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;14. Kế hoạch chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HOSE);15. Miễn nhiệm thành viên HĐQT;16. Miễn nhiệm thành viên BKS;17. Thông qua số lượng thành viên HĐQT;18. Bầu bổ sung thành viên HĐQT;19. Bầu bổ sung thành viên BKS;
10:00 – 10:45	Thảo luận các nội dung nghị sự tại Đại hội
10:45 – 10:55	Biểu quyết trực tuyến
10:55 – 11:00	Công bố kết quả biểu quyết
11:00 – 11:15	Hướng dẫn bầu cử và bầu cử trực tuyến
11:15 – 11:20	Công bố kết quả bầu cử
11:20 – 11:30	Thông qua Biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội
11:35	Bế mạc Đại hội



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Vilico**”, “**VLC**” hoặc “**Công ty**”) xin báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 với các nội dung như sau:

a. Về cơ cấu HĐQT

Năm 2021, Hội đồng quản trị các thành viên như sau:

- Bà Mai Kiều Liên : Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Quốc Dũng : Thành viên HĐQT
- Ông Trần Chí Sơn : Thành viên HĐQT

b. Về thù lao và các lợi ích khác của HĐQT

Thù lao Hội đồng quản trị được chi trả trong năm 2021 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

- Bà Mai Kiều liên (Chủ tịch HĐQT) : 8.000.000 đồng/ tháng
- Ông Trịnh Quốc Dũng (thành viên HĐQT) : 6.000.000 đồng/ tháng
- Ông Trần Chí Sơn (thành viên HĐQT) : 6.000.000 đồng/ tháng

Không có phát sinh lợi ích khác cho HĐQT trong năm 2021.

c. Hoạt động của HĐQT

Thực hiện theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2021, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2021 trọng tâm vào các nội dung sau:
 - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2021 của Ban Điều hành để trình Đại hội đồng cổ đông và tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2021;
 - Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021;
 - Giám sát hoạt động đầu tư của Vilico vào các Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác; tình hình hợp nhất Báo cáo tài chính theo các quý, bán niên, năm;
 - Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị vận hành, quản trị tài chính, quản trị rủi ro phù hợp với quy mô và mô hình của hệ thống, đảm bảo sự tuân thủ và chuyên nghiệp, tối ưu hóa hoạt động vận hành của Công ty;
 - Khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai, bất động sản mà Vilico đang quản lý và sử dụng;
 - Thoái vốn tại những doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả; tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh cốt lõi, có tiềm năng;
 - Phê duyệt các giao dịch, nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

- Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp, ban hành 14 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông tin về các nghị quyết này đã được Công ty công bố thông tin trong Báo cáo quản trị Công ty tại <https://www.vilico.vn/wp-content/uploads/2022/01/VLC-BC-Quan-tri-cong-ty-2021-ban-rut-gon-ky-so.pdf>. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

d. Công tác quản lý vốn tại các doanh nghiệp khác

Vilico đang tiếp tục quá trình tái cấu trúc mạnh, thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không nằm trong chiến lược phát triển chung của Tập đoàn, tập trung khai thác mảng kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng.

Trong năm 2021, Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung.

Tính đến ngày 31/12/2021, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 07 doanh nghiệp: bao gồm 02 công ty con, 02 công ty liên kết và 03 khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác. Trong đó, có một công ty con mới do VLC sở hữu 51% được thành lập trong năm là Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, là công ty liên doanh với Tập đoàn Sojitz Nhật Bản để triển khai dự án bò thịt trong thời gian tới.

e. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty đã được trình bày và công bố thông tin tại trang 31 của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần GTNFoods: chia cổ tức 28,2 tỷ đồng
- Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“Mộc Châu Milk”)
 - o Bán hàng hóa, dịch vụ : 0,7 tỷ đồng
 - o Mua cổ phần : 34,1 tỷ đồng
 - o Cổ tức được chia : 89,4 tỷ đồng
- Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật
 - o Góp vốn : 23,5 tỷ đồng
 - o Cung cấp dịch vụ : 0,4 tỷ đồng

f. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

i. Kết quả kinh doanh năm 2021:

Kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi và cổ tức thu được từ công ty con (Mộc Châu Milk). Trong năm 2021, Công ty nhận được 89,4 tỷ đồng tiền cổ tức từ Mộc Châu Milk. Kết quả kinh doanh năm 2021 cụ thể như sau:

- Công ty mẹ: Doanh thu thuần đạt 3,6 tỷ đồng, cao hơn 2,7% so với năm 2020, hoàn thành 50,2% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 92,7 tỷ đồng, đạt 84,3% so với năm 2020, hoàn thành 82,2% kế hoạch (112,7 tỷ đồng).
- Hợp nhất: Doanh thu thuần đạt 2.928,3 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 323,4 tỷ đồng, tăng trưởng 5,1% so với năm 2020.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

Nhìn chung, do VLC chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty mẹ nên kết quả kinh doanh chủ yếu là từ Mộc Châu Milk. Lợi nhuận Mộc Châu Milk 2021 so với cùng kỳ 2020 tăng trưởng tốt sau khi áp dụng các biện pháp tái cơ cấu hệ thống bán hàng, đánh giá và thay đổi chính sách nhà phân phối, giá bán sản phẩm cũng như tối ưu hóa chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

ii. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành

HĐQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Điều hành (“BDH”) dựa trên các tiêu chí sau:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh
- Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm:
 - (1) Trách nhiệm “cân trọng”,
 - (2) Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”,
 - (3) Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”,
 - (4) Bốn phạm vi “Chăm lo và trung thành”.

HĐQT nhận xét rằng BDH Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao phó.

Tiền lương trung bình của Tổng Giám đốc trong năm 2021 là 21 triệu đồng/ tháng. Còn tiền lương trung bình của những người quản lý khác là 9 triệu đồng/người/tháng.

Kết quả: Theo đánh giá của HĐQT, BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2021, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

g. Định hướng chiến lược của HĐQT trong tương lai

Định hướng chiến lược của HĐQT trong năm 2022 và thời gian tới như sau:

- Nâng cao công tác quản trị Công ty.
- Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của Công ty, hướng tới trở thành công ty hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực chăn nuôi và cung cấp sản phẩm thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng cho thị trường.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (“**BKS**”) theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS, BKS xin báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 với các thông tin chính như sau:

a. Hoạt động của BKS

i. Công tác thực hiện nhiệm vụ:

- Trong năm 2021, BKS đã thực hiện giám sát hoạt động đánh giá và xét chọn đơn vị kiểm toán theo danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập được ĐHĐCĐ thông qua; tham gia định hướng công tác lập kế hoạch kiểm toán năm; tổ chức các cuộc họp cùng đơn vị kiểm toán độc lập được chọn – Công ty TNHH KPMG Việt Nam nhằm xác định rõ phạm vi, mục đích và các vấn đề cần lưu ý trong các cuộc kiểm toán.
- BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2021 và đã thảo luận về các điểm cần lưu ý, đề xuất các khuyến nghị đến BDH của Công ty.
- Việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHĐCĐ, luật định và các quy định của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và BDH cũng được BKS nghiêm túc thực hiện, cụ thể:
 - o Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các nghị quyết của HĐQT và công bố thông tin theo Luật định.
 - o Giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT và BDH.
 - o Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo năm, 6 tháng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và các báo cáo hàng quý của Công ty (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất).
 - o Phối hợp cùng các thành viên HĐQT, BDH và các nhân sự chuyên trách tại Công ty trong việc:
 - Kiểm tra việc xây dựng khung kiểm soát nội bộ và bộ tài liệu quy định về các hoạt động chính của Công ty.
 - Đánh giá về các hoạt động quản lý nợ phải thu, phải trả; đầu tư ngắn hạn và dài hạn; quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.
 - Đánh giá tính pháp lý và trình tự thủ tục thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm tra trong năm 2021, BKS ghi nhận một số vấn đề sau:
 - o Một (01) đơn kiến nghị của Cổ đông đồng gửi HĐQT, BKS VLC và GTN về năm (05) vấn đề liên quan đến công tác tổ chức đại hội và phương án sáp nhập; hai (02) đơn kiến nghị của Cổ đông gửi HĐQT và BKS của GTN liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ và phương án sáp nhập giữa GTN và VLC.
 - o Văn bản số 3334/UBCK-QLCB của UBCK thông báo về việc xem xét thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ và xem xét sai phạm (nếu có) trong quá trình tổ chức ĐHĐCĐ của Công ty.
 - o Quyết định số 250/QĐ-XPVHC ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban chứng khoán nhà nước xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.
 - o Các bài báo, tin tức liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của VLC, và phương án sáp nhập giữa GTN và VLC.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

HDQT, BKS và BDH đã tiếp nhận các thông tin này, cân nhắc, trao đổi kỹ lưỡng trước khi gửi Công văn phản hồi đơn kiến nghị của các Cổ đông và văn bản giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. BKS đánh giá việc tiếp nhận và phản hồi đã được thực hiện phù hợp và kịp thời. Trong năm 2021, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

ii. Lương thưởng, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2021

- Trong năm 2021, BKS của Công ty bao gồm: 3 thành viên.
- Thù lao của Ban kiểm soát được chi trả trong năm 2021 đã tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, cụ thể như sau:
 - o Bà Hà Thị Diệu Thu (Trưởng ban) : 6.000.000 đồng/ tháng
 - o Ông Trịnh Công Sơn (thành viên) : 4.000.000 đồng/ tháng
 - o Ông Trịnh Công Tuyển (thành viên) : 4.000.000 đồng/ tháng
- Không có phát sinh lợi ích khác cho Ban kiểm soát trong năm 2021.

b. Kết quả giám sát hoạt động của HDQT và Ban Điều hành

i. Hội đồng quản trị

- HDQT đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm quản lý, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác.
- Trong năm 2021, HDQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HDQT hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với BDH trong việc đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Các nghị quyết của HDQT được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HDQT. Nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác.

ii. Ban điều hành

- Hoạt động điều hành, quản lý:
 - o Cùng với BDH, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HDQT và ĐHĐCĐ, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.
 - o BDH Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp để trao đổi và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót.
- Hoạt động kiểm soát: Tích cực xây dựng, hoàn thiện bộ quy trình và chuẩn hóa tác nghiệp quản lý và công tác triển khai thực hiện tại các phòng/ban nội bộ Công ty nhằm giảm thiểu các tác nghiệp không hiệu quả, lãng phí.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

c. **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông**

HĐQT, BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan, hướng tới mục tiêu chung của Công ty; tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Các ý kiến, kiến nghị của BKS đều được BDH tiếp nhận tích cực, phân phối đầy đủ và khắc phục, một số ít vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện.

d. **Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021**

- BKS đã xem xét báo cáo tài chính bán niên và năm đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất với các báo cáo này.
- Theo kết luận thẩm định của BKS, báo cáo tài chính riêng của Vilico và báo cáo tài chính hợp nhất của Vilico và Công ty con, đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

e. **Kiến nghị và kết luận**

i. **Kiến nghị:** BKS kiến nghị một số nội dung sau:

- Tiếp tục và liên tục kiện toàn bộ máy, tổ chức và tái cơ cấu lại Công ty để nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.
- Xây dựng nền tảng quản trị rủi ro, cơ chế cảnh báo rủi ro cấp tập đoàn; triển khai đến các cấp trong Công ty, các đơn vị thành viên để áp dụng đồng bộ và nhất quán; duy trì và cải tiến hiệu quả cơ chế kiểm soát hệ thống theo hai cấp (tự kiểm soát & kiểm tra), trong đó, cơ chế tự kiểm soát cần được chú trọng và cải tiến liên tục.
- Triển khai phương án xây dựng đơn vị kiểm toán nội bộ phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty; và đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ được triển khai thiết thực, hiệu quả.
- Tiếp tục rà soát và xử lý các khoản công nợ còn tồn đọng; nhanh chóng triển khai các dự án/kế hoạch sử dụng và quản lý các tài sản hiện hữu nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản.

ii. **Kết luận**

- Qua công tác giám sát và kiểm tra, BKS ghi nhận các hoạt động của Công ty trong năm 2021 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.vilico.vn, trong đó bao gồm các nội dung sau:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó: Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính như sau:

Thông tin tài chính riêng:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	3,6	7	51,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	94,4	119	79,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	92,7	113	82,0%

Thông tin tài chính hợp nhất:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	% 2021 so với 2020
1	Doanh thu thuần	2.928,3	2.825,8	3,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	359,8	326,0	10,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	323,4	307,7	5,1%

4. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2021, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua nội dung phân phối lợi nhuận trong năm 2021 như sau:

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm : 221.447.252.241 đồng
- Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) trong năm 2021 : 92.654.392.332 đồng
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021:
 - o Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST 2021) : 9.265.439.233 đồng
 - o Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST 2020) : 4.632.719.617 đồng
- Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 6%, tương đương 600 đồng/ cổ phiếu. HĐQT có trách nhiệm lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, quyết định thời gian chi trả cụ thể theo quy định của pháp luật nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

5. KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2022

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2022 của Công ty như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu (làm tròn tỷ đồng)	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	% so với thực hiện 2021
1	Doanh thu thuần	3.247,7	2.928,3	110,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	265,3	359,8	73,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	242,0	323,4	74,8%

6. KẾ HOẠCH CỔ TỨC NĂM 2022

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

- Trả cổ tức cho cổ đông : Tối đa 600 đồng/ cổ phần.
- Trích quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế

Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm ứng cổ tức cụ thể, nhưng không quá 600 đồng/cổ phần, tùy theo kết quả kinh doanh và thời gian tạm ứng cổ tức trong năm 2022.

7. LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH 2022

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022.

8. KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT VÀ BKS NĂM 2022

HĐQT trình Đại hội cổ đông phê duyệt thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2022 như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 8.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/ tháng

9. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ:

- Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ và thông qua bản Điều lệ mới để thay thế bản Điều lệ đã được thông qua ngày 22/03/2022 (vui lòng xem *Phụ lục 1a: Thuyết minh sửa đổi Điều lệ* và *Phụ lục 1b: Dự thảo Điều lệ* mới đính kèm theo Tài liệu này);



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

10. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HĐQT kính trình ĐHCĐ:

- Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới để thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được ĐHCĐ thông qua ngày 19/03/2021 (vui lòng xem *Phụ lục 2a: Thuyết minh sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty* và *Phụ lục 2b: Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty* đính kèm theo Tài liệu này);
- Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm ký ban hành bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

11. SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

HĐQT kính trình ĐHCĐ:

- Phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Quy chế hoạt động của HĐQT và thông qua bản Quy chế hoạt động của HĐQT mới (vui lòng xem *Phụ lục 3a: Thuyết minh sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT* và *Phụ lục 3b: Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT* đính kèm theo Tài liệu này) để thay thế bản Quy chế hoạt động của HĐQT đã được ĐHCĐ thông qua ngày 19/03/2021;
- Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm ký ban hành bản Quy chế hoạt động của HĐQT được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

12. DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Thông qua việc góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Chăn Nuôi Việt Nhật (“JVL”) và chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL.

a) Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVL”) là công ty liên doanh giữa VLC và Tập đoàn Sojitz (Sojitz Corporation) của Nhật Bản (“Sojitz”), được thành lập vào ngày 27 tháng 9 năm 2021, có vốn điều lệ là 46 tỷ đồng (trong đó VLC góp 51% và Sojitz góp 49%) để thực hiện việc nhập khẩu và phân phối bán buôn thịt bò và các sản phẩm chế biến từ thịt bò. Ở giai đoạn đầu khi mới thành lập, JVL hướng đến mục tiêu thí điểm, nghiên cứu thị trường và chuẩn bị cho hoạt động đầu tư giai đoạn 2 là triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò thịt và các hoạt động giết mổ, chế biến, bảo quản thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò. Sau thời gian nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của tổng thể dự án, JVL có mong muốn triển khai thực hiện dự án bò thịt giai đoạn 2 (sau đây gọi là “**Dự Án Bò Thịt**”) với các nội dung sau:

(i) Mục tiêu của Dự Án Bò Thịt: Chăn nuôi, giết mổ, chế biến, phân phối bán buôn, bán lẻ và xuất khẩu sản phẩm thịt bò và các sản phẩm chế biến từ thịt bò chất lượng cao theo công nghệ Nhật Bản với giá cả hợp lý và theo chu trình khép kín “Farm – To – Table” cho người tiêu dùng Việt Nam.

(ii) Quy mô của Dự Án Bò Thịt:

- Dự án gồm hai (02) thành phần: Một (01) dự án được thực hiện tại Huyện Tam Đảo và Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc và một (01) dự án được thực hiện tại địa điểm khác do JVL quyết định.
- Tổng đàn bò khai thác trong năm là 30.000 con.
- Cơ sở giết mổ - chế biến – đóng gói – bảo quản thịt bò mát tập trung, công nghệ hiện đại, tiêu chuẩn Nhật Bản, EU... công suất 100 con/ngày.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

(iii) Tổng vốn đầu tư của Dự Án Bò Thịt là 2.985 tỷ đồng. Trong đó, VLC sẽ góp 51% (tương đương 1.522,4 tỷ đồng) và Sojitz sẽ góp 49% (tương đương 1.462,6 tỷ đồng) thông qua việc góp thêm vốn điều lệ cho JVL.

(iv) Hình thức triển khai Dự Án Bò Thịt:

- **Dự án tại Huyện Tam Đảo và Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc:** JVL sẽ nhận chuyển nhượng dự án từ VLC với các nội dung cụ thể sau đây:

Dự án hiện hữu của VLC: Căn cứ vào phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 về dự án chăn nuôi, chế biến và phân phối thịt bò (Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2021 ngày 19/03/2021), VLC đã triển khai các công việc cần thiết để thực hiện dự án, bao gồm việc thực hiện các thủ tục đăng ký đầu tư. Theo đó, Vilico đã được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12/08/2021 (“**Quyết định chủ trương đầu tư**”) cho dự án có tên “*Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo*”, thực hiện tại Huyện Tam Đảo và Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc (“**Dự Án Tam Đảo**”).

Với tư cách là Chủ đầu tư của Dự Án Tam Đảo theo Quyết định chủ trương đầu tư, VLC sẽ triển khai công tác xây dựng, thực hiện các hạng mục đầu tư của Dự Án Tam Đảo. Sau khi VLC hoàn thành công tác xây dựng tại Dự Án Tam Đảo và dự án này đáp ứng các điều kiện chuyển nhượng theo quy định pháp luật hiện hành, VLC sẽ chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL để JVL quản lý, vận hành và tiếp tục phát triển dự án này. JVL sẽ tạm ứng vốn đầu tư cần thiết cho VLC triển khai thực hiện Dự Án Tam Đảo từ giai đoạn bắt đầu khởi công xây dựng cho đến khi dự án đủ điều kiện chuyển nhượng cho JVL.

Tổng mức đầu tư dự kiến của JVL cho Dự Án Tam Đảo là 1.800 tỷ đồng.

- Dự án tại địa điểm khác: JVL có kế hoạch đầu tư xây dựng một cơ sở chăn nuôi, vỗ béo bò thịt để bổ trợ cho Dự Án Tam Đảo. Tổng mức đầu tư dự kiến của JVL cho dự án này là 1.185 tỷ đồng. Hiện tại, JVL đang tìm kiếm địa điểm phù hợp để thực hiện kế hoạch này.

b) Để JVL có thể triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt như trình bày tại Mục (a) nói trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt các nội dung sau đây:

(i) Thông qua việc tăng phần vốn góp của VLC tại JVL:

- JVL sẽ tăng vốn điều lệ từ 46 tỷ đồng lên 3.031 tỷ đồng, cụ thể số vốn điều lệ tăng thêm là 2.985 tỷ đồng. Theo đó, VLC sẽ góp 1.522,4 tỷ đồng (tương đương 51%) và Sojitz sẽ góp 1.462,6 tỷ đồng (tương đương 49%).
- Ủy quyền cho HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của VLC và người đại diện phần vốn góp của VLC tại JVL trao đổi, thương thảo và thống nhất với Sojitz và JVL về thời điểm góp vốn, số vốn góp từng đợt căn cứ theo nhu cầu vốn để triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt, ký các hồ sơ, giấy tờ và/hoặc thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của JVL.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

(ii) Thông qua giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL với các nội dung chính như sau:

- Vilico sẽ triển khai xây dựng Dự Án Tam Đảo theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp cho đến khi Dự Án Tam Đảo đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. VLC sẽ sử dụng nguồn vốn tạm ứng từ JVL để đầu tư xây dựng và hoàn thành Dự Án Tam Đảo.
- Khi các điều kiện chuyển nhượng dự án được đáp ứng, VLC sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án với JVL.
- Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo, JVL sẽ trở thành chủ đầu tư của Dự Án Tam Đảo và có toàn quyền quản lý, vận hành và tiếp tục phát triển Dự Án Tam Đảo.
- Giá chuyển nhượng dự kiến là **1.644 tỷ VNĐ chưa bao gồm thuế GTGT (giá bao gồm thuế GTGT dự kiến là 1.800 tỷ VNĐ)**, được tính trên cơ sở:
 - Tổng chi phí để hoàn thành các công trình xây dựng, hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị của Dự Án Tam Đảo. Tổng chi phí này dựa trên CAPEX của Dự Án Tam Đảo;
 - Khoản lợi thế thương mại từ đất và chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo (lợi nhuận của VLC từ việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL);
 - Các chi phí hợp lý khác phát sinh từ hoặc liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự Án Tam Đảo, bao gồm nhưng không giới hạn: tiền thuê đất, phí dịch vụ bảo vệ, điện, nước, văn phòng phẩm, chi phí quản lý dự án...

Sau khi Dự Án Tam Đảo đủ điều kiện chuyển nhượng, VLC và JVL sẽ cùng rà soát, tính toán lại các chi phí đầu tư, xây dựng thực tế đã phát sinh cho Dự án Tam Đảo để thống nhất Giá chuyển nhượng cuối cùng mà JVL có nghĩa vụ thanh toán cho VLC. Giá chuyển nhượng sẽ được căn trừ với số tiền tạm ứng mà JVL đã ứng trước cho VLC để thực hiện Dự Án Tam Đảo.

- Để có cơ sở thực hiện giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo, các bên liên quan sẽ ký kết các tài liệu, văn kiện và hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây: (i) VLC, JVL và Tập đoàn Sojitz sẽ ký kết thỏa thuận khung về việc hợp tác đầu tư Dự Án Tam Đảo để hướng tới việc chuyển nhượng dự án và (ii) JVL và VLC sẽ ký kết thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng dự án và hợp đồng chuyển nhượng dự án (“**Tài liệu giao dịch chủ chốt**”).
- Cơ sở để VLC chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL: JVL là liên doanh của VLC và Sojitz, là các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực tài chính, có kinh nghiệm, chuyên môn, công nghệ và hiểu biết trong lĩnh vực chăn nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh phân phối thịt và các sản phẩm từ thịt. Đồng thời, JVL có thể tận dụng được sự hậu thuẫn từ các công ty mẹ là các tập đoàn kinh tế lớn ở Việt Nam và Nhật Bản (Vinamilk và Sojitz). Vì vậy, việc chuyển giao Dự Án Tam Đảo cho JVL quản lý và vận hành là phù hợp với định hướng phát triển của VLC cũng như phù hợp với chủ trương của ĐHCĐ thường niên năm 2021 (cụ thể, theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-VLC.ĐHCĐ/2021 ngày 19/03/2021, ĐHCĐ đã ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đối tác có tiềm lực mạnh và nhiều kinh nghiệm để hợp tác liên doanh trong dự án chăn nuôi, chế biến và phân phối thịt bò.)



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

(iii) Ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của VLC thực hiện các nội dung sau:

- Theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Dự Án Tam Đảo;
- Đàm phán, thống nhất với JVL về Giá chuyển nhượng cuối cùng căn cứ vào các chi phí thực tế phát sinh và theo nguyên tắc được nêu tại Điểm b (ii), Mục 12 nêu trên;
- Thông qua và thực hiện các quyết định liên quan đến việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo theo nội dung đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Đàm phán, quyết định và ký kết các Tài liệu giao dịch chủ chốt và các hợp đồng, thỏa thuận, văn kiện, tài liệu khác có liên quan đến việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo với JVL, Sojitz và các bên liên quan.
- Thực hiện hoặc tổ chức thực hiện (bao gồm cả việc ủy quyền lại cho người đại diện phần vốn góp của VLC tại JVL, và các cá nhân/tổ chức khác) các công việc, thủ tục cần thiết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL.

13. KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với các nội dung chi tiết như sau:

- a. Mục đích chào bán: Mục đích phát hành: huy động vốn để tăng phần vốn góp của VLC tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, qua đó triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt, như đã được trình bày tại Mục số 12 nêu trên.

Ngoài mục đích nêu trên, HĐQT được toàn quyền sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thực hiện linh hoạt các mục đích khác bao gồm mua sắm tài sản, đầu tư dự án hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đầu tư vào các dự án của các công ty con, góp vốn vào các công ty con, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ về mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- b. Tổng số lượng cổ phần đăng ký chào bán thêm là tối đa 24.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ phát hành là **13,92546%** trên số lượng cổ phần đang lưu hành. Số cổ phần chào bán thêm cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định theo quy định tại Điểm (e) dưới đây.

Ví dụ 1: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A đang sở hữu 1.148 cổ phiếu, số cổ phiếu được quyền mua theo phương án chào bán là $1.148 \times 139.254,6 : 1.000.000 = 159,86$. Sau khi làm tròn xuống, số cổ phiếu cổ đông A được đăng ký mua là 159 cổ phiếu và 0,86 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua. Số cổ phiếu lẻ này sẽ được ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định theo quy định tại Điểm (e) dưới đây.

- c. Giá chào bán: 25.000 đồng/ cổ phần;

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 600.000.000.000 đồng.

Tổng giá trị cổ phần chào bán ra công chúng (theo mệnh giá): tối đa 240.000.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

- d. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phần.

Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: Ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền sau khi nhận được sự phê duyệt hồ sơ phát hành của các cơ quan nhà nước có liên quan trong năm 2022 hoặc không được chậm hơn ngày 30/06/2023;

- e. Trong trường hợp toàn bộ cổ phần đăng ký chào bán thêm tại Điểm (b) nói trên không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu do có cổ đông không đăng ký mua hết hoặc phát sinh cổ phiếu lẻ thì toàn bộ số cổ phần chưa phân phối hết này sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông theo nguyên tắc như sau:

(i) Bán bằng giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu có đăng ký mua thêm cổ phần bằng văn bản gửi về Công ty. Mỗi cổ đông được quyền đăng ký mua thêm tối đa bằng số lượng quyền mua cổ phần chào bán thêm quy định tại Điểm (b) nêu trên.

(ii) Trường hợp có nhiều cổ đông đăng ký mua thêm và tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm lớn hơn số cổ phần chưa phân phối hết thì áp dụng nguyên tắc phân phối tiếp số lượng cổ phần cho từng cổ đông đăng ký mua thêm như sau:

$$\frac{\text{Tổng số lượng cổ phần chưa phân phối hết}}{\text{Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm}} \times \text{Số lượng đăng ký mua thêm của mỗi cổ đông}$$

Số lượng cổ phần được mua thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ 2: Tổng số lượng cổ phần chưa phân phối hết là 2.000.000 cổ phần. Có 55 cổ đông đăng ký mua thêm với tổng số lượng đăng ký mua thêm là 4.000.000 cổ phần. Trong đó, cổ đông A ở ví dụ 1 đăng ký mua thêm 159 cổ phần (bằng số lượng tối đa được đăng ký mua thêm ngoài số lượng quyền mua 159 đã đăng ký mua tại ví dụ 1) thì cổ đông A được mua tiếp = $(2.000.000 \times 159) / 4.000.000 = 79,5$ cổ phần, làm tròn xuống còn 79 cổ phần. 0,5 cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

- f. Hạn chế chuyển nhượng:

- Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua quy định tại Điểm (b) không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và được HĐQT quyết định phân phối lại cho các cổ đông theo quy định tại Điểm (e) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- g. Quyền mua cổ phần chào bán thêm không được phép chuyển nhượng;

- h. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: tối thiểu 70% tổng số cổ phần dự kiến chào bán

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng như dự kiến, Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền thu được từ đợt chào bán cho các cổ đông.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án: Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

- i. Số cổ phần chào bán thêm sẽ được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết bổ sung theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- j. Các công việc giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện bao gồm:
 - Xây dựng, phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện chào bán. Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết Phương án chào bán nêu trên theo đề nghị của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án phát hành cổ phần này đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty, đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.
 - Hoàn tất thủ tục chào bán, báo cáo kết quả chào bán, đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu chào bán thêm sau khi nhận được các phê duyệt cần thiết từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và các cơ quan có thẩm quyền khác;
 - Xây dựng phương án chào bán đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Lập, quyết định chi tiết mục đích, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán này; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế bảo đảm lợi ích của Công ty, cổ đông và báo cáo ĐHCĐ gắn nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - Thực hiện tất cả các thủ tục, công việc cần thiết để thay đổi, đăng ký giao dịch hoặc niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán, điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán tại VSD cho toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán
 - Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ của Công ty để cập nhật vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất việc chào bán thêm cổ phần, thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
 - HĐQT được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) thực hiện một hoặc một số công việc được giao nêu trên.

14. KẾ HOẠCH CHUYỂN NIÊM YẾT VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VLC QUA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM (HOSE)

HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua các nội dung sau đây:

- (i) Thông qua việc chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: VLC) từ sàn UPCOM qua niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (“HOSE”);
- (ii) Giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu của VLC trên HOSE;
- (iii) Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện: năm 2022, 2023 cho đến khi hoàn tất niêm yết cổ phiếu VLC trên HOSE.

15. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Trần Chí Sơn là thành viên Hội đồng Quản trị đã có đơn xin từ nhiệm đề ngày 16/05/2022. Do đó, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Chí Sơn kể từ ngày 09/06/2022.



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Tầng 14, Tháp A Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626763/38626769; Website: www.vilico.vn;

Giấy CNĐKKD số 0100104443, do Sở KH và ĐT Tp Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010.

16. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Trịnh Công Tuyển là thành viên Ban kiểm soát đã có đơn từ nhiệm gửi cho Công ty ngày 25/01/2022. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Trịnh Công Tuyển kể từ ngày 09/06/2022.

17. THÔNG QUA SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị và điều hành tại doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập thêm Công ty Cổ phần GTNfoods, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc tăng số lượng thành viên HĐQT từ ba (03) thành viên lên năm (05) thành viên.

18. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo số lượng và cơ cấu của HĐQT, HĐQT trình ĐHĐCĐ về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2020-2024.

Danh sách các ứng cử viên để bầu bổ sung vào HĐQT và thông tin liên quan đến các ứng cử viên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty **chậm nhất là ngày 29/05/2022** tại mục: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>.

19. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo số lượng và hoạt động của Ban Kiểm soát, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ về việc bầu bổ sung một (01) thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2020-2024.

Danh sách các ứng cử viên để bầu bổ sung vào Ban kiểm soát và thông tin liên quan đến các ứng cử viên sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty **chậm nhất là ngày 29/05/2022** tại mục: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>

-----HẾT!-----

THUYẾT MINH VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ

Điều lệ của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“Điều lệ”) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Điều chỉnh lại bố cục, format của Điều lệ;
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung của một số điều khoản. Trong đó các nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng được trình bày trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
Giải thích thuật ngữ (Điều 1 Dự thảo)				
1	Người Điều Hành	j. " Người Điều Hành " là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm;	j. " Người Điều Hành " là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm tại từng thời điểm;	Điều chỉnh định nghĩa để làm rõ
2	Người Quản Lý	k. " Người Quản Lý " là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Tổng Công Ty do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm tại từng thời điểm;	k. " Người Quản Lý " là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính và cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Tổng Công Ty do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm tại từng thời điểm;	Điều chỉnh định nghĩa để làm rõ
3	Thành Viên HĐQT Không Điều Hành	n. " Thành Viên HĐQT Không Quản Lý " là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người Quản Lý theo quy định của Điều lệ Tổng Công Ty;	n. " Thành Viên HĐQT Không Điều Hành-Quản Lý " là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người Điều Hành Quản Lý theo quy định của Điều lệ Tổng Công Ty;	Điều chỉnh để phù hợp với thuật ngữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp
Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông				
4	Quyền của cổ đông (Điều 12 Dự thảo) 2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh 2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm	Điều chỉnh để quy định cụ thể quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>Nghiệp;</p> <p>...</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	<p>nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;</p> <p>...</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p>	<p>Bỏ vì đã được quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty.</p>
5	Đại hội đồng cổ đông (Điều 14 Dự thảo)	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 160.4.(a) Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<ul style="list-style-type: none"> d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	<p>bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	
6	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (Điều 14 Dự thảo)</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành Viên Độc Lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp; b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp; <p>Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải (1) triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, Thành Viên Độc Lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này, hoặc (2) phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp; b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp; 	<p>Điều chỉnh nội dung để phù hợp với quy định tại Điều 140 và Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.</p>	<p>Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>c. Người triệu tập Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.</p>	
7	Thay đổi các quyền (Điều 17 Dự thảo)	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự ("Luật số 03/2022/QH15").</p> <p>Tỷ lệ để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
				này vẫn được giữ nguyên, không thay đổi.
Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 18 Dự thảo)				
8	Thông báo mời họp	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, ...</p> <p>...</p> <p>4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email). Tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông. Đồng thời, thông báo mời họp cũng sẽ được đăng tải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội sẽ được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận,...</p> <p>...</p> <p>4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến</p>	<p>Làm rõ phương thức gửi thông báo mời họp.</p> <p>Điều chỉnh thời gian để có đủ thời gian chuẩn bị tài liệu họp bổ sung</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			Tổng Công Ty chậm nhất bảy ba (073) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông				
9	Thủ tục đăng ký cổ đông (Điều 20 Dự thảo)	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông, và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với nội dung trình bày tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp, đồng thời để quy định này vẫn phù hợp trong trường hợp công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến.</p> <p>Đã được quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ công ty</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
10	<p>Điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Điều 21 Dự thảo)</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty. <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 và Khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty; Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty. <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại</p>	<p>Điều chỉnh để nội dung của điều khoản rõ ràng hơn và phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15. Các tỷ lệ để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 21 này vẫn được giữ nguyên, không thay đổi.</p>

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			cuộc họp đự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều 17 và Khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.	
11	Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 23 Dự thảo)	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: ... g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: ... g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp đự họp ;	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
Hội đồng quản trị				
12	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (Điều 26 Dự thảo)	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định. ... 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến là năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định. ... 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp.

STT	Nội dung	Điều lệ công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên Độc Lập HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành Viên Độc Lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p>	<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên Độc Lập HĐQT và phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên HĐQT Không Điều Hành. Số lượng tối thiểu Thành Viên Độc Lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>...</p>	

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ: 519 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626769 - Fax: 024.38623645

Website: www.vilico.vn



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công Ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 7. Cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Tổng Công Ty	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	26
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	29
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY.....	31
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	31
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	32
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	32
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	32
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	32
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	33
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	33
Điều 48. Năm tài chính.....	33
Điều 49. Chế độ kế toán	33
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	33
Điều 51. Báo cáo thường niên	33
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	34
Điều 52. Kiểm toán	34
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY	34
Điều 53. Dấu của Tổng Công Ty	34
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY.....	34
Điều 54. Giải thể Tổng Công Ty	34
Điều 55. Thanh lý.....	34
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 57. Điều lệ Tổng công ty	35
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	36
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	36

DỰ THẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP số 01/2022/VLC/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 08 tháng 06 năm 2022.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "**Cổ Đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công Ty;
 - b. "**Luật Chứng Khoán**" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - c. "**Luật Doanh Nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - d. "**Luật Đầu Tư**" là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - e. "**Ngày Làm Việc**" là một ngày (ngoại trừ thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ theo quy định của pháp luật) mà các ngân hàng tại Việt Nam đều làm việc;
 - f. "**Ngày Thành Lập**" là ngày Tổng Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "**Nghị Định 155**" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
 - h. "**Người Có Liên Quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - i. "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**" là cá nhân đại diện cho Tổng Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công Ty, đại diện cho Tổng Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - j. "**Người Điều Hành**" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng;
 - k. "**Người Quản Lý**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính ;
 - l. "**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - m. "**Thành Viên Độc Lập HĐQT**" là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp;
 - n. "**Thành Viên HĐQT Không Điều Hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người Điều Hành;
 - o. "**Tổng Công Ty**" là Tổng Công Ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
 - p. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - q. "**Vốn Điều Lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - r. "**VSD**" là Tổng Công Ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương ứng trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty

1. Tên Tổng Công Ty
 - Tên Tổng Công Ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**
 - Tên Tổng Công Ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION - JOINS TOCK COMPANY**
 - Tên Tổng Công Ty viết tắt: **VILICO**
2. Tổng Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công Ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 519 đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Điện thoại: (0243) 8626763/8626769
 - Fax: (0243) 8623645
 - E-mail: Vilico@vilico.vn
 - Website: <http://www.vilico.vn>
4. Tổng Công Ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty bắt đầu từ Ngày Thành Lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty có một (01) Người Đại Diện Theo Pháp Luật. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Tổng Công Ty là Tổng giám đốc, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty quyết định thay đổi về sau.

Người Đại Diện Theo Pháp Luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người Đại Diện Theo Pháp Luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
2. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này mà Người Đại Diện Theo Pháp Luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác, thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật cho đến khi Người Đại Diện Theo Pháp Luật trở lại làm việc tại Tổng Công Ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật.

3. Trường hợp Người Đại Diện Theo Pháp Luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Tổng Công Ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định cử người khác làm Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công Ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
2.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (Ngành nghề kinh doanh chính)	0145
3.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép thực hiện theo quy định pháp luật)	6810

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công Ty có thể đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh mới hoặc thay đổi mục tiêu, ngành nghề kinh doanh, trên cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản liên quan để mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty là:
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ Đông.
 - Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của nhóm công ty bao gồm: Công ty mẹ (Văn phòng Tổng Công Ty và các đơn vị trực thuộc), các công ty con và các công ty liên kết.
 - Tăng tích lũy để phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công Ty. Xây dựng Tổng Công Ty (tổ hợp mẹ - con) từng bước ổn định và phát triển lớn mạnh về mọi mặt.
 - Hoạt động sản xuất: Sản xuất các hàng hoá (con giống và sản phẩm chăn nuôi thương phẩm, sản phẩm chế biến) có chất lượng. Phát triển chăn nuôi nói chung trên cơ sở ổn định và bền vững.
 - Hoạt động kinh doanh thương mại: Kinh doanh có lãi. Bảo toàn và phát triển vốn. Từng bước mở rộng và phát triển vĩ mô trong kinh doanh thương mại. Đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh.
 - Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Trường hợp Tổng Công Ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công Ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu Tư, Luật Chứng Khoán và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều Lệ, cổ phần

1. Vốn Điều Lệ của Tổng Công Ty là: **1.723.461.730.000 VND** đồng (*Bằng chữ: Một ngàn bảy trăm hai mươi ba tỉ bốn trăm sáu mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).
Tổng số Vốn Điều Lệ của Tổng Công Ty được chia thành **172.346.173** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Tổng Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Tổng Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phát hành mới phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ Đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Tổng Công Ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công Ty.
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (ESOP) đáp ứng điều kiện theo quy định Điều 64 Nghị Định 155 và/hoặc các trường hợp phát hành riêng lẻ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp phát hành khác được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ Đông của Tổng Công Ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy

định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công Ty, hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công Ty, hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
Quy định tại khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Tổng Công Ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và Cổ Đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Tổng Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó. Đề nghị của Cổ Đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng khoán khác

Tổng Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 113 Luật Doanh Nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công Ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Tổng Công Ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Tổng Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Tổng Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công Ty;
 - h. Yêu cầu Tổng Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.;
 - e. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ của Tổng Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện triển khai của Tổng Công Ty;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải (1) triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này, hoặc (2) phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

 - a. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. ;
 - b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp;

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan khác có thẩm quyền theo

quy định của pháp luật giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công Ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công Ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công Ty và Cổ Đông Tổng Công Ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công Ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Tổng Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị Định 155;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ Đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải cung cấp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải cung cấp thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý

kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công Ty không bị thay đổi khi Tổng Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông. Đồng thời, thông báo mời họp cũng sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội sẽ được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận. Tài liệu họp bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội

- đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất bảy (07) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của

chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ Đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Tổng Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị Định 155.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 và Khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;

- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ;
 - d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 và Khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty, cụ thể gồm:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;
 - b. Định hướng phát triển Tổng Công Ty;
 - c. Tổng Công Ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng Vốn Điều Lệ;
 - d. Tổng Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
 - e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - f. Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Tổng Công Ty;
 - i. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - j. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - k. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
 - l. Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá

- nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ Đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công Ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có);
 - g. Tổng Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên Độc Lập HĐQT của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên Độc Lập HĐQT và phải bảo đảm có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên HĐQT Không Điều Hành. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tổng Công Ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công Ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Người Quản Lý; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người Quản Lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người Quản Lý trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ

- phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty; yêu cầu phá sản Tổng Công Ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công Ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị Định 155.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Tổng Công Ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội

đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Thành Viên Độc Lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác theo Điều lệ này (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công Ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công Ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Tổng Công Ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định nhưng phải có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Tổng Công Ty. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và Cổ Đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;

- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công Ty. Tổng Công Ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người Điều Hành

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty được tuyển dụng thêm nhân sự với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị quy định để trở thành Người Điều Hành. Người Điều Hành phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Tổng Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của Người Điều Hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công Ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công Ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh Nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công Ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người Điều Hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước Cổ Đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người Quản Lý.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ Đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người Điều Hành của Tổng Công Ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị Định 155.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người Quản Lý và nhân viên của Tổng Công Ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người Quản Lý cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công Ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và Người Điều Hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người Quản Lý phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người Quản Lý và Người Có Liên Quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người Quản Lý có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn Điều Lệ với chính đối tượng đó hoặc với Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công Ty.

5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Cổ Đông đó và Người Có Liên Quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người Có Liên Quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người Quản Lý của Tổng Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
 - c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - i. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;
 - ii. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.
 - d. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.
 - e. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
 - f. Tổng Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người Quản Lý và Người Có Liên Quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
7. Giao dịch giữa Tổng Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị của các giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành đã được công bố cho các Cổ Đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ Đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ Đông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ Đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông và nhóm Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công Ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng Công Ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Tổng Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công Ty.
2. Tổng Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Tổng Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc VSD.
5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công Ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công Ty.
3. Tổng Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công Ty.
3. Tổng Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Tổng Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Tổng Công Ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công Ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng Công Ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành Lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công Ty trong

tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tổng Công Ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ Đông với Tổng Công Ty;
 - b. Cổ Đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người Điều Hành;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này chính thức có hiệu lực vào ngày 08 tháng 06 năm 2022.
2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công Ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công Ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu Tổng Công Ty.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

TRỊNH QUỐC DŨNG
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Quy chế**”) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Điều chỉnh lại bố cục, format của Quy chế;
2. Bổ sung số thứ tự cho các điều, khoản trong Quy chế để dễ dàng tham chiếu;
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung của một số điều khoản. Trong đó các nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng được trình bày trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.				
1	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> • Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên website của Tổng Công ty. • Hội đồng quản trị Tổng Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng 	<ul style="list-style-type: none"> • Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên website của Tổng Công ty. • Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ về thời hạn gửi thông báo mời họp tới cổ đông trước ít nhất 21 ngày kể từ ngày dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông.
2	Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	<ul style="list-style-type: none"> • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo/Thư mời/Thư triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. • Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ 	<p>a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo/Thư mời/Thư triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Tổng Công ty chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) để yêu cầu VSD lập danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty tại ngày đăng ký cuối</p>	Bổ sung cụ thể cách thức lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	cùng c) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	
3	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). 	<p>a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc các hình thức liên lạc khác phương thức để đảm bảo thông báo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời, thông báo mời họp được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định nơi có phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.</p> <p>b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	Điều chỉnh để làm rõ các phương thức gửi thông báo mời họp cho cổ đông
4	Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	<p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và phải gửi văn bản 	<p>.....</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và phải gửi văn bản đề xuất cùng với</p>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>đề xuất cùng với các tài liệu chứng minh về số lượng, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông (nếu có). Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>.....</p>	<p>các tài liệu chứng minh về số lượng, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông (nếu có). Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty ít nhất 07 (bảy) 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị ghi rõ phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đó đang nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>.....</p> <p>e) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điểm (d) Khoản này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>f) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm (c) Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm (d) Khoản này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
5	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết; 	<p>a) Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty trước ngày khai mạc bằng cách: (1) gửi thư điện</p>	Điều chỉnh để làm rõ các cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<ul style="list-style-type: none"> • Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết. Trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. • Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 	<p>từ/fax về Tổng Công Ty; hoặc (2) gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội</p> <p>b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết;</p> <p>c) Khi tiến hành đăng ký cổ đông tại địa điểm tổ chức họp, Tổng Công ty áp phát cho từng cổ đông hoặc đại diện Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>d) Cổ đông hoặc đại diện Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền vẫn được đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
6	Cách thức bỏ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> • Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. • Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. • Cổ Đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi thẻ biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử hoặc bằng các hình thức bỏ phiếu điện tử khác có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. • Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. 	<p>a) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>b) Các thẻ biểu quyết được gửi về Tổng Công ty thông qua đường bưu điện/dịch vụ chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai có quyền mở trước khi kiểm phiếu. Cổ Đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi thẻ biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử hoặc bằng các hình thức bỏ phiếu điện tử khác có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>c) Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.</p>	Điều chỉnh để làm rõ nội dung về cách thức bỏ phiếu
7	Cách thức kiểm phiếu	<ul style="list-style-type: none"> • Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không 	Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không	Làm rõ cách thức kiểm phiếu, để phù hợp với tất

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>tán thành/phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số cổ phiếu tán thành hay không tán thành/phản đối để quyết định.</p> <ul style="list-style-type: none"> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội. Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các thẻ biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng. Tổng Công ty áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch nhận dạng để phòng tránh sai sót. Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả. 	<p>tán thành/phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số cổ phiếu tán thành hay không tán thành/phản đối để quyết định.</p> <p>a) Đại hội bầu một hoặc một số những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa. nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật. Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.</p> <p>b) Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng đối với từng vấn đề trong chương trình họp (trong đó các thẻ biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.</p> <p>c) Tổng Công ty có thể áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các giải pháp kỹ thuật, công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, phòng tránh sai sót và rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu.</p>	<p>cả các hình thức tổ chức ĐHĐCĐ (bao gồm hình thức trực tiếp, trực tuyến và kết hợp trực tiếp và trực tuyến)</p>

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			d) Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.	
8	Thông báo kết quả kiểm phiếu	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 	<p>a) Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.</p> <p>b) Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	Bổ sung để làm rõ trách nhiệm của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu
9	Điều kiện để Nghị quyết được thông qua	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; 	<p>a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ; 	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty; • Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty; • Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty. • Trừ các trường hợp trên và quy định tại Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành. • Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> • Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; • Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty; • Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty; • Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty. <p>b) Trừ các trường hợp trên và quy định tại Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp dự họp tán thành.</p> <p>c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
10	Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> • Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 	<ul style="list-style-type: none"> • Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định • họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ 	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 132 và Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<ul style="list-style-type: none"> • Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty. • Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty. • Việc phản đối cổ cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số dự Đại hội đồng cổ đông, nội dung và lý do về việc phản đối. Văn bản phản đối sẽ được gửi đến Thư ký đại hội để ghi nhận việc phản đối. 	<p>trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty. ▪ Việc phản đối cổ cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số dự Đại hội đồng cổ đông, nội dung và lý do về việc phản đối. Văn bản phản đối sẽ được gửi đến Thư ký đại hội để ghi nhận việc phản đối. <p>a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>b) Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Mục này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm</p>	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
11	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; việc thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	<p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp; <p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. <p>.....</p>	<p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp dự họp; <p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. <p>.....</p>	Điều chỉnh để phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
Trình tự, thủ tục để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến				
12	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Không có	Cách thức gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như cách thức gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp nêu tại Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.	Quy định cụ thể cách thức tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến theo quy định tại Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
13	Cách thức đăng ký tham dự họp	Không có	Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
	Đại hội đồng cổ đông trực tuyến		dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.	
14	Điều kiện tiến hành	Không có	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 8 Điều 3 của Quy chế này	
15	Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	Không có	<p>a) Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các phương thức, giải pháp kỹ thuật để các Cổ Đông có thể thực hiện bỏ phiếu điện tử (e-voting) và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức, giải pháp cụ thể sẽ tùy thuộc vào công nghệ, trang thiết bị điện tử mà Tổng Công Ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ Đông trước mỗi kỳ đại hội.</p> <p>Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email, số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ Đông trước khi kết thúc kiểm phiếu. Cách thức bỏ phiếu cụ thể sẽ được Hội Đồng</p>	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			Quản Trị công ty quyết định tại từng thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông.	
16	Cách thức kiểm phiếu	Không có	Ban Tổ Chức sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (e-voting) và/hoặc các phương thức điện tử khác	
17	Thông báo kết quả kiểm phiếu	Không có	Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.	
18	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Không có	Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Khoản 15 Điều 3 của Quy chế này.	
19	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Không có	Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.	
Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến				
20	Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Không có	a) Cổ Đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực	Quy định cụ thể cách thức tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			<p>tuyển bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Cổ Đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ Đông.</p> <p>b) Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:</p> <p>(i) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Khoản 7 Điều 3 Quy chế này.</p> <p>(ii) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.</p>	<p>hợp với trực tuyến theo quy định tại Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
21	Điều kiện tiên hành	Không có	<p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như</p>	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			được quy định tại Khoản 8 Điều 3 của Quy chế này.	
22	Cách thức bỏ phiếu	Không có	Cổ Đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, hoặc (iii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.	
23	Cách thức kiểm phiếu	Không có	<p>a) Tổng Công ty sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác; (ii) số phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội bỏ vào thùng phiếu tại cuộc họp; và (iii) số lượng phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội gửi về Tổng Công ty qua đường bưu điện, thư điện tử, fax và/hoặc các hình thức khác.</p> <p>b) Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến tương ứng cho từng vấn đề</p>	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			được biểu quyết, từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.	
24	Thông báo kết quả kiểm phiếu	Không có	Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.	
25	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Không có	Thư ký có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại Khoản 14 Điều 3 Quy chế này.	
26	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Không có	Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.	
Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.				
27	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định. 	<p>a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến là năm (05) người. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định.</p>	Điều chỉnh cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
28	Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.	Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành Viên Độc Lập HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành Viên Độc Lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị	Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và phải đảm bảo có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành Thành Viên Độc Lập HĐQT. Số lượng tối thiểu Thành Viên Độc Lập HĐQT được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
29	Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> • Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty. • Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. <p>....</p>	<p>a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, cụ thể như sau: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử</p>	Quy định cụ thể về số lượng ứng cử viên tối đa được quyền đề cử, ứng cử tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà cổ đông sở hữu.

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			<p>viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	
30	<p>Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này. Cổ đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách <i>đề nguyên</i> tên ứng viên được chọn và <i>gạch ngang</i> đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT được phép bầu. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử của Đại hội. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị 	<p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế này. Cổ đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách đề nguyên tên ứng viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT được phép bầu. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử của Đại hội. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị 	<p>Bổ sung cụ thể cách xác định ứng viên được lựa chọn vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên có số phiếu bằng nhau</p>

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Đối với các ứng viên HĐQT không độc lập, trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì: <ul style="list-style-type: none"> Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn. Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm. Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT độc lập thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng. Kết quả bầu cử có hiệu lực và được công nhận sau khi Biên bản bầu cử và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Khi có kết quả bầu cử, HĐQT bầu Chủ tịch 	<p>phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Trong trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì thành viên này sẽ được chọn như sau:Đối với các ứng viên HĐQT không độc lập, trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì: <ul style="list-style-type: none"> Nếu ứng viên đó đồng thời là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn. Nếu các ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp có cùng số nhiệm kỳ thì người có số năm đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị lâu hơn sẽ được chọn sẽ xét theo số năm đảm nhiệm. Trường hợp không có đủ số thành chọn được ứng cử viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT độc 	

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>HDQT trong số các thành viên HDQT.</p>	<p>lập theo các tiêu chí nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và chọn ứng viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kết quả bầu cử có hiệu lực và được công nhận sau khi Biên bản bầu cử và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua. • Khi có kết quả bầu cử, HDQT bầu Chủ tịch HDQT trong số các thành viên HDQT. 	
Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị				
31	<p>Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</p>	<p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty • Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật • Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; • Theo yêu cầu của Ban kiểm soát. 	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý; c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; <ul style="list-style-type: none"> • Các trường hợp khác theo Điều lệ. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty • Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật • Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện 	<p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			<p>bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> Theo yêu cầu của Ban kiểm soát. 	
32	<p>Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> Ngoài trường hợp quy định tại điểm d và điểm e Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 (một) phiếu biểu quyết; Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; <p>.....</p>	<p>a) Ngoài trường hợp quy định tại điểm d và điểm e Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty, Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền tham dự họp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 (một) phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua đường bưu điện, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua fax hoặc thư điện tử, phiếu biểu quyết phải gửi tới cuộc họp trước khi kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>c) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc</p>	<p>Điều chỉnh để làm rõ cách thức biểu quyết thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p>

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
			<p>có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>.....</p>	
33	Biên bản họp Hội đồng quản trị	<p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực <p>.....</p>	<p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung nêu trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực thi hành. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. thì biên bản này có hiệu lực <p>.....</p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số luật.
Tổng Giám đốc				

STT	Nội dung	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
34	Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. - Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị. 	<p>a) Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty.</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ công ty

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI
VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2022, ngày 08 tháng 06 năm 2022.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Tổng Công ty**”) bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty (“**Quy chế**”) quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và những người liên quan khác.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 15 Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1.1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
- b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng Công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

- a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Tổng Công ty chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) để yêu cầu VSD lập danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.
- c) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax và/hoặc các hình thức liên lạc khác để đảm bảo thông báo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời, thông báo mời họp được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi cho các cổ đông kèm theo Thông báo mời họp hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đó đang nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định nêu trên;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty.
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- e) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điểm (d) Khoản này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- f) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm (c) Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm (d) Khoản này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp hoặc có thể gửi trước thông

tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty trước ngày khai mạc bằng cách: (1) gửi thư điện tử/fax về Tổng Công Ty; hoặc (2) gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.
- b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết;
- c) Khi tiến hành đăng ký cổ đông tại địa điểm tổ chức họp, Tổng Công ty phát cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó.
- d) Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50 (năm mươi) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33 (ba mươi ba) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

10. Cách thức bỏ phiếu

- a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- b) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Các thẻ biểu quyết được gửi về Tổng Công ty thông qua đường bưu điện/dịch vụ chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai có quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng

hình thức gửi thẻ biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử hoặc bằng các hình thức bỏ phiếu điện tử khác có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

11. Cách thức kiểm phiếu

- a) Đại hội bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa.
- b) Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- c) Tổng Công ty có thể áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các giải pháp kỹ thuật, công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, phòng tránh sai sót và rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu..
- d) Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- a) Kết quả kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.
- b) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

13. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:
 - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Phát hành cổ phần để tăng Vốn Điều Lệ;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
 - Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty.
- b) Trừ các trường hợp trên và quy định tại Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b) Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Mục này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; việc thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ Đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính

của Tổng Công Ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, cụ thể gồm:

- a) **Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công Ty;**
- b) Định hướng phát triển Tổng Công Ty;
- c) Tổng Công Ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng Vốn Điều Lệ;
- d) Tổng Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
- e) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- f) Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Tổng Công Ty;
- i) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- j) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
- k) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;

2. Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến

Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

- a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó, hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền.

3. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Tổng Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

a) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

- b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty;
- d) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ Đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Trình tự, thủ tục để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

- Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp (i) xảy ra các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
- Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như trình bày tại các Khoản dưới đây. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như cách thức gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp nêu tại Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.

3. Điều kiện tiên hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 8 Điều 3 của Quy chế này.

4. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- a) Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các phương thức, giải pháp kỹ thuật để các Cổ Đông có thể thực hiện bỏ phiếu điện tử (e-voting) và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức, giải pháp cụ thể sẽ tùy thuộc vào công nghệ, trang thiết bị điện tử mà Tổng Công Ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ Đông trước mỗi kỳ đại hội.
- b) Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email, số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ Đông trước

khi kết thúc kiểm phiếu. Cách thức bỏ phiếu cụ thể sẽ được Hội Đồng Quản Trị công ty quyết định tại từng thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

5. Cách thức kiểm phiếu

Ban Tổ Chức sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (e-voting) và/hoặc các phương thức điện tử khác.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Khoản 15 Điều 3 của Quy chế này.

8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

- Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Điều 3 và Điều 5 của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cổ Đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Cổ Đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ Đông.
- b) Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:
 - (i) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Khoản 7 Điều 3 Quy chế này.

(ii) Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

2. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 8 Điều 3 của Quy chế này.

3. Cách thức bỏ phiếu

Cổ Đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, hoặc (iii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

4. Cách thức kiểm phiếu

a) Tổng Công ty sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác; (ii) số phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp bỏ vào thùng phiếu tại cuộc họp; và (iii) số lượng phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi về Tổng Công ty qua đường bưu điện, thư điện tử, fax và/hoặc các hình thức khác.

b) Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến tương ứng cho từng vấn đề được biểu quyết, từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thư ký có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại Khoản 14 Điều 3 Quy chế này.

7. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- c) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên Độc Lập HĐQT không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

1. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và phải bảo đảm có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên độc lập còn thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- Yêu cầu về thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:
 - Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm, và đối thủ cạnh tranh;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

- Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
 - Phán quyết chuẩn xác;
 - Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
 - Kỹ năng giao tiếp tốt.
- Tính độc lập của thành viên HĐQT độc lập chỉ được đáp ứng khi thành viên HĐQT đó đáp ứng các yêu cầu bắt buộc sau đây:
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 2 nhiệm kỳ.
- Ngoài các việc đáp ứng các yêu cầu nêu trên, tính độc lập của thành viên HĐQT độc lập còn được xem xét và cân nhắc khi đáp ứng được các yêu cầu sau một cách tốt nhất:
- Không phải là người có mối quan hệ gia đình với một cá nhân đang là, hoặc trong 5 năm gần nhất đã là, một Người Quản Lý của Công ty hoặc của Người có liên quan;
 - Không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác mà một Người điều hành doanh nghiệp của Công ty là thành viên HĐQT của công ty đó.
 - Không có mối liên hệ liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Công ty hoặc từ Người có liên quan.
- Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Tổng Công ty.

2. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.
- b) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- c) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công Ty;
 - Các thông tin khác (nếu có);
 - Tổng Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- a) Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- b) Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn.
- c) Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.
- d) Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên

HDQT độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên HDQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HDQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HDQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

- e) Trong trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì thành viên này sẽ được chọn như sau :
- Nếu ứng viên đó đồng thời là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn.
 - Nếu các ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HDQT lâu nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp có cùng số nhiệm kỳ thì người có số năm đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị lâu hơn sẽ được chọn.
 - Trường hợp không chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và chọn ứng viên có số phiếu cao nhất.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên HDQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không đủ tư cách làm thành viên HDQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HDQT;
 - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến Trụ sở chính của Tổng Công ty;
 - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HDQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
- b) Thành viên HDQT bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không tham dự các cuộc họp của HDQT trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- c) Thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HDQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trong trường hợp Tổng Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên HDQT thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

6. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản

trị.

- c) Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1 Tổng Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao tương ứng cho mỗi ngày công. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3 Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 6 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Tổng Công Ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/năm

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Quản Lý;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo Điều lệ.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công Ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công Ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- a) Ngoài trường hợp quy định tại điểm d và điểm e Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua đường bưu điện, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua fax hoặc thư điện tử, phiếu biểu quyết phải gửi tới cuộc họp trước khi kết thúc kiểm phiếu.
- c) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- d) HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
- e) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Các hình thức họp khác

- a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - b. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
 - c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- a) Người Phụ Trách Quản Trị và/hoặc Thư ký công ty sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Người Phụ Trách Quản Trị và/hoặc Thư ký công ty có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác cuộc nội dung, diễn tiến, kết quả cuộc họp.
- b) Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung nêu trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực thi hành. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
- c) Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- d) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản (nếu có) phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- e) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- 1 Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng

- quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 2 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.
 - 3 Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc HĐQT và từng thành viên trong tiểu ban sẽ được quy định cụ thể trong từng thời điểm thành lập cụ thể theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- a) Các tiêu chuẩn đối với Người phụ trách quản trị công ty:
 - Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật; nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Tổng Công ty và thị trường chứng khoán, ưu tiên người tốt nghiệp đại học luật (hệ chính quy tập trung) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.
 - Có trình độ học vấn đại học trở lên.
 - Am hiểu hoạt động của Tổng Công ty.
 - Trách nhiệm cao, giao tiếp tốt, cụ thể là kỹ năng thương thuyết và tạo nên sự đồng thuận.
 - Kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Bộ máy quản lý; có trực giác tốt và nhạy cảm đối với những suy nghĩ và hành vi của Tổng giám đốc và các thành viên HĐQT.
 - Có tính tỉ mỉ, để ý đến chi tiết, linh hoạt và sáng tạo.
 - Được đào tạo về quản trị.
 - Là một người có uy tín cá nhân và trong sạch.
- b) Các yêu cầu, điều kiện đối với Người phụ trách quản trị công ty:
 - Tính độc lập: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.
 - Người phụ trách quản trị công ty không phải là người có quan hệ gia đình với của Người Quản lý và Người Điều hành của Tổng Công ty.
 - Người phụ trách quản trị công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.
- c) Bổn phận: Người phụ trách quản trị công ty có đầy đủ các bổn phận như bổn phận của Người

quản lý.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- a) Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Số lượng Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định.
- b) HĐQT sẽ ban hành nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.
- c) Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Công ty, số lượng cổ phiếu của Công ty đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án tiền sự... và được bổ sung bằng thư giới thiệu cá nhân và những cuộc phỏng vấn với các thành viên HĐQT, đặc biệt là với Chủ tịch HĐQT.
- d) Hợp đồng với Người phụ trách quản trị công ty: HĐQT chịu trách nhiệm xác định các điều kiện của hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan tới thù lao và thủ tục kết thúc hợp đồng. Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt Công ty soạn thảo hợp đồng để ký kết với Người phụ trách quản trị công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

HĐQT sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty với Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Khoản 3 Điều 32 của Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- 1 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 của Điều lệ Tổng Công ty.
- 2 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:
 - a) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;
 - Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
2. Quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 của Điều lệ.
3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Chương X của Điều lệ.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- a) Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty là ba (03) người, trong đó có một (01) Trưởng ban kiểm soát.
- b) Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
- c) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- d) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b) Không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- c) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản

trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty và công ty mẹ.
- e) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ.

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu số lượng cổ phiếu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông) thỏa mãn khoản 2 Điều 25 của Điều lệ sẽ thực hiện ứng cử, đề cử như sau:
- b) Hồ sơ cần thiết:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - Quan hệ của ứng viên với Người có liên quan;
 - Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Tổng Công ty;
 - Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể có ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Ban Kiểm soát;
 - Văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tổng Công ty.
- c) Đối với nhóm cổ đông: Danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử, bằng chứng về việc nắm giữ cổ phiếu đủ; văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử Kiểm soát viên.
- d) Ứng viên Ban Kiểm soát sẽ gửi văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.
- e) Hồ sơ sẽ được gửi tới Trụ sở chính của Tổng Công ty.
- f) Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

3. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức dồn phiếu và tiến hành tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế này.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- a) Việc miễn nhiệm Kiểm soát viên được đề cập theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Điều lệ.
- b) Việc bãi nhiệm Kiểm soát viên được đề cập theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của Điều lệ.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Tất cả các trường hợp thay đổi Kiểm soát viên liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin

Điều 16. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

- 1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- 1 Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- 2 Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- b) Ngoài những quy định tại Điều 35 của Điều lệ, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (*ưu tiên các cá nhân sở hữu nhiều cổ phần của Công ty*).
 - Có trình độ đại học trở lên;
 - Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào hoặc các chức danh quản lý ở các công ty khác;
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
2. **Bổ nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:**
- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc.
3. **Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc**
- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty.
4. **Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**
- a) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - b) Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VII CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. **Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**
 - a) Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia cuộc họp HĐQT; thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp HĐQT.
 - b) Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được tích hợp trong chương trình họp HĐQT.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người phụ trách quản trị công ty thông báo cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo dõi và tổ chức thực hiện.
3. **Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

- a) Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- b) Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- c) Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- d) Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- e) Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- a) Các nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.
- b) Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - Thành tích chung của Tổng Công ty, đặc biệt trong sự so sánh với đối thủ cạnh tranh;
 - Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty;
 - Các chỉ tiêu tiếp thị và kinh doanh của Tổng Công ty;
 - Các kết quả tài chính của Tổng Công ty;
 - Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, cũng như các vấn đề về đạo đức kinh doanh;
 - Thành tích của Bộ máy quản lý, ở cấp độ nhóm lẫn cấp độ cá nhân;

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- b) Trưởng các Tiểu ban thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Tiểu ban đã thông qua rằng Tổng Giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- a) Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc

theo quy chế hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách.

- b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp HĐQT, cuộc họp các tiểu ban.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Tổng Giám Đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.
- d) Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc theo Khoản 2 Điều 27 của Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- e) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.
- f) HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.
- g) Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- h) Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký).

Điều 20. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động

- a) Hội đồng Quản trị:
 - (i) HĐQT thực hiện đánh giá thành viên HĐQT kết hợp với đánh giá hoạt động các tiểu ban và đánh giá từng thành viên HĐQT. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.
 - (ii) Đánh giá hoạt động HĐQT và các tiểu ban: Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, và thể hiện qua các khía cạnh:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
 - Tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT;
 - Số cuộc họp của HĐQT, của các tiểu ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;

- HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
- Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT;
- Các chính sách mới được phát triển và ban hành.

b) Thành viên Ban kiểm soát:

(i) Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.

(ii) Ban kiểm soát thực hiện việc đánh giá thành viên Ban kiểm soát dựa trên các tiêu chí sau:

- Việc tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Việc thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ.

2. Khen thưởng

a) HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy Chế này.

b) Hình thức khen thưởng:

- Bằng tiền;
- Bằng hình thức phi vật chất khác.

c) Đối với đối tượng là thành viên HĐQT: HĐQT quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHCĐ phê chuẩn.

d) Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

3. Kỷ luật

a) HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

b) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

c) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Ngày hiệu lực

Quy chế này được Hội đồng quản trị ban hành vào ngày 08 tháng 06 năm 2022 theo ủy quyền của

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Tổng Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

THUYẾT MINH VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (“**Quy chế**”) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Điều chỉnh lại bố cục, format của Quy chế;
2. Bổ sung số thứ tự cho các điều, khoản trong Quy chế để dễ dàng tham chiếu;
3. Sửa đổi, bổ sung nội dung của một số điều khoản. Trong đó các nội dung được sửa đổi, bổ sung quan trọng được trình bày trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
1	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị (Khoản 1 Điều 5 Dự thảo)	1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định. 	1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty quyết định. 	Quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 154.1 Luật Doanh nghiệp 2020.
2	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (Điều 13 Dự thảo)	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ và Quy chế này; d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;	Điều chỉnh nội dung để phù hợp với Điều 140 và Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020

Thuyết minh dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sữa đổi - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

STT	Nội dung	Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
		<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p>	<p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản d và e Khoản 1 Điều này, hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e và điểm d khoản 1 Điều này</p>	
3	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị (Điều 15)</p>	<p>.....</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>.....</p>	<p>.....</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và gửi đến cho Thư ký Tổng Công ty chậm nhất một (01) ngày trước ngày họp. Người được ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến cuộc họp, trường hợp vi phạm phải bồi thường cho Tổng Công ty mọi thiệt hại xảy ra.</p> <p>.....</p>	<p>Bổ sung quy định về việc ủy quyền tham dự họp và trách nhiệm bảo mật thông tin của người được ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị.</p>

Thuyết minh dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sữa đổi - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

STT	Nội dung	Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ bôi đậm là phần được bổ sung, sửa đổi; phần chữ bị gạch ngang (như này) là phần được bãi bỏ)	Lý do
4	Biên bản họp Hội đồng quản trị (Điều 17)	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản thư ký từ chối ký biên bản. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số luật.

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI
VIỆT NAM - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/Qh14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VLC.ĐHĐCĐ/2022 ngày 08 tháng 06 năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác của Tổng Công ty;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên Độc Lập HĐQT của Tổng công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 8 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc

Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- b. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và Người Quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản lý; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ và Quy chế này;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản d và e Khoản 1 Điều này, hoặc phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiêu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiêu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiêu ban và (b) nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật và điều kiện tình hình của Tổng Công Ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và gửi đến cho Thư ký Tổng Công ty chậm nhất một (01) ngày trước ngày họp. Người được ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến cuộc họp, trường hợp vi phạm thì phải bồi thường cho Tổng Công ty mọi thiệt hại xảy ra.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phân vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phân vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phân vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội

đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MAI KIỀU LIÊN

Tp. Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v: Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2020-2024

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị và điều hành tại doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**”) sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2024 từ ba (03) thành viên lên năm (05) thành viên.

Ngoài ra, thành viên HĐQT đương nhiệm là Ông Trần Chí Sơn có đơn từ nhiệm gửi HĐQT vào ngày 16/5/2022 xin được từ nhiệm kể từ ngày 09/6/2022, do vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 sẽ bầu thành viên HĐQT thay thế cho vị trí của Ông Trần Chí Sơn.

Để phục vụ công tác bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, HĐQT Công ty xin trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT như sau:

1. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

1.1. Cổ đông là cá nhân đang nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên HĐQT như quy định tại Mục 2.2 dưới đây, có quyền tự ứng cử làm thành viên HĐQT của Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:

- Từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên để bầu vào HĐQT;



- Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên để bầu vào HĐQT;
- Từ chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử tối đa chín (09) ứng viên để bầu vào HĐQT.

2. SỐ LƯỢNG BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2024, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HĐQT

2.1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024

Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2020-2024 là ba (03) người, trong đó có một (01) thành viên độc lập HĐQT.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Những ứng viên được đề cử, ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024 phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Mục 2.b.ii Điều 3 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên HĐQT gồm:

- 1) Văn bản đề cử/ứng cử (**Mẫu số 01**)¹;
- 2) Sơ yếu lý lịch ứng viên (**Mẫu số 02**);
- 3) Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên;
- 4) Thông tin về các vị trí/chức vụ ứng viên đang đảm nhận và/hoặc được đề cử tại Tổ chức khác, kê khai lợi ích và mối quan hệ lợi ích liên quan tới Công ty (**Mẫu số 03**);
- 5) Kê khai thông tin chứng minh về tính độc lập của ứng viên (dành cho ứng viên cho vị trí thành viên độc lập HĐQT) (**Mẫu số 04**); và
- 6) Văn bản cam kết của ứng viên về việc sẽ hành động, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

Lưu ý: Các biểu mẫu được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>

4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

¹ Quý Cổ đông vui lòng lựa chọn một (01) trong ba (03) Mẫu 01A_HĐQT/Mẫu 01B_HĐQT/Mẫu 01C_HĐQT để phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi về Công ty **chậm nhất là 17 giờ ngày 28/05/2022** (giờ Việt Nam) theo địa chỉ sau:

Người nhận: **Ban Thư ký Đại hội - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**
Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.
Email: ly.dk@vilico.vn

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cổ đông thực hiện việc đề cử, ứng cử theo Thông báo này.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI KIỀU LIÊN
Chủ tịch



**THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT
NAM - CTCP NHIỆM KỲ 2020-2024**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tôi tên là:

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

cấp ngày: bởi:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Tổng số cổ phần sở hữu tại Vilico là, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên cho vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

2. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

3. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 01B HĐQT: Thư đề cử thành viên HĐQT (dùng cho Nhóm Cổ đông)

**THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT
NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2020-2024**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Chúng tôi là các cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**” hay “**Vilico**”), bằng văn bản này thỏa thuận hợp thành nhóm cổ đông với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNDKDN/CMND/CC CD/Hộ chiếu	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. %
2. %
3. %
4. %
TỔNG		 %

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chúng tôi thống nhất cùng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây cho vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020-2024.

- Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
- Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
- Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

Chúng tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Chữ ký (đối với Cổ đông là cá nhân)/ Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) đối với Cổ đông là tổ chức
1		
2		
3		
4		

Mẫu 01C HĐQT: Thư ứng cử thành viên HĐQT

**THƯ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT
NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2020-2024**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tôi tên là:

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

cấp ngày: bởi:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Tổng số cổ phần sở hữu tại Vilico là, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2020 - 2024 của Vilico.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2020-2024, tôi cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty, đồng thời cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, hợp lý, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty.

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của tôi và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022
(Ký và ghi rõ họ tên)

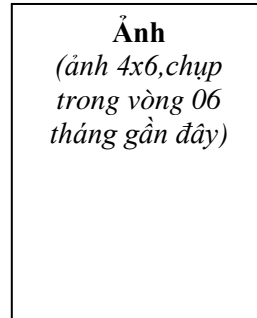
Mẫu 02: Sơ yếu Lý lịch ứng viên

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Giới tính:
- Quốc tịch:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày: tại:
- Dân tộc:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Nơi ở hiện tại:
- Chức vụ hiện nay: tại Tổ chức/Đơn vị:
- Liên hệ: Mobile :
- Email :
- Trình độ văn hóa:



2. Trình độ chuyên môn:

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp

3. Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có):

4. Quan hệ gia đình

(Kê khai các mối quan hệ gia đình: Cha ruột, Cha nuôi, Mẹ ruột, Mẹ nuôi, Vợ/Chồng, Anh/Chị/Em ruột, Con ruột, Con nuôi)

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/CCC D/Hộ chiếu	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm 2022
Ứng cử viên

Mẫu 03 HĐQT: Văn bản kê khai thông tin về các vị trí ứng viên đang nắm giữ/được đề cử trong các tổ chức khác, kê khai lợi ích và mối quan hệ lợi ích liên quan tới Vilico

Tôi tên là:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cho mục đích hoàn thiện hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị và tăng cường thông tin minh bạch cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico"), cũng như toàn bộ cổ đông Vilico, tôi xin kê khai các thông tin liên quan đến hồ sơ của mình như sau:

1. **Các vị trí mà ứng viên hiện đang nắm giữ trong các tổ chức khác** (nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

STT	Tên Tổ chức	Vị trí	Ngày/ tháng/năm bắt đầu nắm giữ vị trí	Ghi chú
1				
2				
3				

2. **Các vị trí mà ứng viên hiện đang được đề cử/ứng cử ở các công ty khác** (nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

STT	Tên Công ty	Vị trí/Chức danh	Ngày tháng nhận đề cử	Ghi chú
1				
2				

3. **Kê khai lợi ích** (nếu Có vui lòng điền thông tin dưới đây, nếu Không thì ghi Không vào mục Ghi chú):

Kê khai các doanh nghiệp mà ứng viên có sở hữu cổ phần/phần vốn góp:

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ % cổ phần/phần vốn góp	Ghi chú
1			
2			
3			

Kê khai các tổ chức mà Người có liên quan¹ của ứng viên có sở hữu cổ phần/phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó:

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ % cổ phần/phần vốn góp	Ghi chú
1			
2			
3			

4. Kê khai các mối quan hệ với Vilico

STT	Mối quan hệ	Có	Không	Chi tiết mối quan hệ <i>(Nếu đánh dấu vào cột “Có”, cột này sẽ mô tả chi tiết về mối quan hệ lợi ích này và ứng viên sẽ gửi kèm các tài liệu liên quan).</i>
1	Mối quan hệ nhân viên với Vilico			(Thông tin về mối quan hệ, thời gian)
2	Mối quan hệ kiểm toán, tư vấn với Vilico			(Thông tin về mối quan hệ, thời gian)
3	Mối quan hệ sở hữu (cổ đông của Vilico)		
4	Mối quan hệ kinh tế		
4.1	<i>Quan hệ người bán (Nhà cung cấp)</i>		
4.2	<i>Quan hệ người mua (Khách hàng)</i>		
4.3	<i>Quan hệ đối tác</i>		
5	Quan hệ khác		

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Người có liên quan được định nghĩa tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp hiện hành và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán hiện hành.

Mẫu 04: Khai thông tin chứng minh về tính độc lập của ứng viên thành viên độc lập HĐQT:

Tôi tên là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cho mục đích hoàn thiện hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên độc lập HĐQT và tăng cường thông tin minh bạch cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico") cũng như toàn bộ cổ đông Vilico, tôi xin cung cấp các thông tin liên quan đến tính độc lập như sau:

STT	Thông tin	Có	Không	Ghi chú
1	Đang làm việc cho Vilico, công ty mẹ hoặc công ty con của Vilico			
2	Đã từng làm việc cho Vilico, công ty mẹ hoặc công ty con của Vilico ít nhất trong 03 năm liền trước đó.			
3	Đang hưởng lương, thù lao từ Vilico (trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định)			
4	Có vợ/chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Vilico			
5	Có vợ/chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Người Quản Lý (*) của Vilico hoặc công ty con của Vilico. (*): Người Quản Lý gồm chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Vilico do ĐHDCĐ bổ nhiệm.			
6	Trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico			
6	Từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Vilico trong 05 năm liền trước đó (điều kiện này không áp dụng đối với ứng viên đã là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ liền kề trước đó).			
7	Làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Vilico trong hai (02) năm gần nhất			
8	Là đối tác hoặc Người có liên quan (*) của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Vilico, chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Vilico trong hai (02) năm gần nhất.			

	(*) Người có liên quan được định nghĩa tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.			
9	Là thành viên gia đình trực hệ của một cá nhân đang là, hoặc trong năm (05) năm gần nhất đã là, một Người Quản Lý của Vilico hoặc của Người có liên quan của Vilico.			
10	Là cán bộ điều hành của một công ty khác mà một Người điều hành doanh nghiệp của Vilico là thành viên Hội đồng quản trị của công ty đó			
11	Có mối liên hệ liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Vilico hoặc từ Người có liên quan của Vilico			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 66/2022/TB-HDQT/VLC

Tp. Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

**V/v: Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Ban kiểm soát
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nhiệm kỳ 2020-2024**

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Ông Trịnh Công Tuyền – thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**”) đã gửi đơn từ nhiệm cho Ban kiểm soát Công ty vào ngày 25/01/2022, do đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (“**BKS**”) để thay thế cho vị trí của Ông Trịnh Công Tuyền. Nhằm phục vụ công tác bầu cử thành viên BKS, Hội đồng quản trị Công ty (“**HDQT**”) xin trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên BKS, cụ thể như sau:

1. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

- 1.1. Cổ đông là cá nhân đang nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên BKS như quy định tại Mục 2.2 dưới đây, có quyền tự ứng cử vào vị trí thành viên BKS của Công ty.
- 1.2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu:
 - Từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền đề cử tối đa tám (08) ứng viên để bầu vào BKS;
 - Từ chín mươi phần trăm (90%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử tối đa chín (09) ứng viên để bầu vào BKS.



2. SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN BKS CẦN BẦU, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BKS

2.1. Số lượng thành viên BKS cần bầu

Số lượng thành viên BKS cần bầu bổ sung là một (01) người.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

Các ứng viên được đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào BKS của Công ty nhiệm kỳ 2020-2024 phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ và Mục 2.b Điều 4 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BKS

Hồ sơ ứng cử/đề cử thành viên BKS gồm:

- 1) Văn bản đề cử/ứng cử (**Mẫu 01_BKS**)¹;
- 2) Sơ yếu lý lịch ứng viên (**Mẫu 02_BKS**);
- 3) Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của ứng viên;
- 4) kê khai thông tin của ứng viên (**Mẫu 04_BKS**); và
- 5) Văn bản cam kết của ứng viên về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân đã kê khai và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS.

Lưu ý: Các biểu mẫu được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vilico.vn/dai-hoi-co-dong/>.

4. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN HỒ SƠ ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi về Công ty **chậm nhất là 17 giờ ngày 28/05/2022** (giờ Việt Nam) theo địa chỉ sau:

Người nhận: **Ban Thư ký Đại hội - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**
Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà Handiresco, 521 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Email: ly.dk@vilico.vn

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cổ đông thực hiện việc đề cử, ứng cử theo Thông báo này.

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI KIỀU LIÊN
Chủ tịch

¹ Quý Cổ đông vui lòng lựa chọn một (01) trong ba (03) Mẫu 01A_BKS/Mẫu 01B_BKS/Mẫu 01C_BKS để phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

Mẫu 01A BKS: Thư đề cử thành viên BKS (dùng cho Cổ đông đơn lẻ)

THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2020-2024

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tôi/Chúng tôi là:

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

cấp ngày: bởi:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Tổng số cổ phần Vilico hiện đang sở hữu là, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây làm ứng viên cho vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

2. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

3. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 01B BKS: Thư đề cử thành viên BKS (dùng cho Nhóm Cổ đông)

**THƯ ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2020-2024**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Chúng tôi là các cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Công ty” hay “Vilico”), bằng văn bản này thỏa thuận hợp thành nhóm cổ đông với thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD /Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. %
2. %
3. %
4. %
TỔNG		 %

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Chúng tôi thống nhất đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024.

1. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
2. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:
3. Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....
Địa chỉ:

Chúng tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của ứng viên và các tài liệu kèm theo.
Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	Chữ ký (đối với Cổ đông là cá nhân)/ Chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu có) đối với Cổ đông là tổ chức
1		
2		
3		
4		

Mẫu 01C BKS: Thư ứng cử thành viên BKS

**THƯ ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
NHIỆM KỲ 2020-2024**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Tôi tên là:

hiện là cổ đông của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Vilico**”).

Giấy CNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

cấp ngày: bởi:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....

Tổng số cổ phần Vilico hiện đang sở hữu là, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Vilico.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn, điều kiện để làm thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024 của Vilico.

Nếu được các Cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2024, tôi cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty, đồng thời cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, hợp lý, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của Công ty.

Tôi đính kèm theo văn bản này là Sơ yếu lý lịch của tôi và các tài liệu kèm theo.

Trân trọng kính chào.

....., ngày.....tháng.....năm 2022
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 02 BKS: Sơ yếu lý lịch ứng viên

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Giới tính:
- Quốc tịch:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: cấp ngày: tại:
- Dân tộc:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Nơi ở hiện tại:
- Chức vụ hiện nay: tại Tổ chức/Đơn vị:
- Mobile :
- Email:
- Trình độ văn hóa:

Ảnh
(ảnh 4x6, chụp
trong vòng 06
tháng gần đây)

2. Trình độ chuyên môn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp

3. Quá trình công tác

Tôi xin cam đoan những thông tin được kê khai ở trên là hoàn toàn trung thực và chính xác.
Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin kê khai nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

Ứng cử viên

Mẫu 04 BKS: Khai thông tin của ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:

Tôi tên là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cho mục đích hoàn thiện hồ sơ ứng viên cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát và tăng cường thông tin cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico") cũng như toàn bộ cổ đông Vilico, tôi xin cung cấp các thông tin liên quan như sau:

STT	Thông tin	Có	Không	Ghi chú
1	Đang làm việc cho Vilico trong bộ phận kế toán, tài chính.			
2	Đang là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập cho Vilico trong ba (03) năm gần nhất.			
3	Đang là Người Quản Lý (*) của Vilico (* Người Quản Lý gồm chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Vilico do ĐHDCĐ bổ nhiệm.			
4	Có vợ/chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản Lý khác của Vilico.			
5	Là người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Vilico và Vinamilk (công ty mẹ).			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn trung thực, chính xác và hợp lý.

....., ngày.....tháng.....năm 2022

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 08/06/2022 của Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Đại hội**”),

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“**Công ty**” hoặc “**VLC**”) thông qua các nội dung:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị (“HDQT**”) năm 2021**

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021 đã được trình bày trong tài liệu họp của ĐHĐCĐ.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS**”) năm 2021**

ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 đã được trình bày trong tài liệu họp của ĐHĐCĐ.

3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 đã được trình bày trong tài liệu họp của ĐHĐCĐ.

4. Phân phối lợi nhuận năm 2021

ĐHĐCĐ thông qua nội dung phân phối lợi nhuận trong năm 2021 như sau:

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm : 221.447.252.241 đồng
- Lợi nhuận sau thuế (“**LNST**”) trong năm 2021 : 92.654.392.332 đồng
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021:
 - o Trích quỹ đầu tư phát triển (10% LNST 2021) : 9.265.439.233 đồng
 - o Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST 2020) : 4.632.719.617 đồng
- Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 6%, tương đương 600 đồng/ cổ phiếu. HDQT có trách nhiệm lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, quyết định thời gian chi trả cụ thể theo quy định của pháp luật nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2022 (Tỷ đồng)
1	Doanh thu thuần	3.247,7
2	Lợi nhuận trước thuế	265,3
3	Lợi nhuận sau thuế	242,0

6. Kế hoạch cổ tức năm 2022

ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận (cổ tức) năm 2022 của Công ty như sau:

- Trả cổ tức cho cổ đông: tối đa 600 đồng/cổ phần;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế.

Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức tạm ứng cổ tức cụ thể, nhưng không quá 600 đồng/cổ phần, tùy theo kết quả kinh doanh và thời gian tạm ứng cổ tức trong năm 2022.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022

ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022.

8. Thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022

ĐHĐCĐ thông qua thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 8.000.000 đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 6.000.000 đồng/ tháng

9. Sửa đổi Điều lệ Công ty

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ và thông qua bản Điều lệ mới của Công ty (đã cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung) để thay thế bản Điều lệ đã được thông qua ngày 22/03/2022 (bản Điều lệ mới được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ).

10. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới (đã cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung) để thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được thông qua ngày 19/03/2021 (bản Quy chế mới được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ), và giao Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm ký ban hành bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty này.

11. Sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT

ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT và thông qua bản Quy chế hoạt động của HĐQT mới (đã cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung) để thay thế bản Quy chế hoạt động của HĐQT đã được thông qua ngày 19/03/2021 (*bản Quy chế mới được trình bày trong tài liệu họp ĐHĐCĐ*), và giao Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm ký ban hành bản Quy chế hoạt động của HĐQT này.

12. Thông qua việc góp thêm vốn để tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Chăn Nuôi Việt Nhật – một công ty liên doanh của Công ty và Tập đoàn Sojitz (“JVL”) và thông qua việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo cho JVL.

Cụ thể:

- (i) Thông qua việc tăng phần vốn góp của VLC tại JVL:
 - JVL sẽ tăng vốn điều lệ từ 46 tỷ đồng lên 3.031 tỷ đồng, trong đó số vốn điều lệ tăng thêm là 2.985 tỷ đồng. Theo đó, VLC sẽ góp 1.522,4 tỷ đồng (tương ứng 51%) và Tập đoàn Sojitz sẽ góp 1.462,6 tỷ đồng (tương ứng 49%).
 - Ủy quyền cho HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của VLC và người đại diện phần vốn góp của VLC tại JVL trao đổi, thương thảo và thống nhất với Tập đoàn Sojitz và JVL về thời điểm góp vốn, số vốn góp từng đợt căn cứ theo nhu cầu vốn để triển khai thực hiện Dự án, ký các hồ sơ, giấy tờ và/hoặc thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của JVL.
- (ii) Thông qua giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo (*thông tin chi tiết về Dự Án Tam Đảo được nêu trong tài liệu họp ĐHĐCĐ*) cho JVL với các nội dung chính như sau:
 - VLC sẽ triển khai xây dựng và hoàn thành Dự Án Tam Đảo theo Quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp cho đến khi Dự Án Tam Đảo đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. VLC sẽ sử dụng nguồn vốn tạm ứng từ JVL để đầu tư xây dựng và hoàn thành Dự Án Tam Đảo.
 - Khi các điều kiện chuyển nhượng dự án được đáp ứng, VLC sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án với JVL.
 - Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo, JVL sẽ trở thành chủ đầu tư của Dự Án Tam Đảo và có toàn quyền quản lý, vận hành và tiếp tục phát triển Dự Án Tam Đảo.
 - Giá chuyển nhượng dự kiến là 1.644 tỷ đồng chưa bao gồm thuế GTGT (giá bao gồm thuế GTGT dự kiến là 1.800 tỷ đồng), được tính trên cơ sở:
 - Tổng chi phí để hoàn thành các công trình xây dựng, hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị của Dự Án Tam Đảo. Tổng chi phí này dựa trên CAPEX của Dự Án Tam Đảo;
 - Khoản lợi thế thương mại từ đất và chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo (lợi nhuận của VLC từ việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL);
 - Các chi phí hợp lý khác phát sinh từ hoặc liên quan đến việc triển khai thực hiện Dự Án Tam Đảo, bao gồm nhưng không giới hạn: tiền thuê đất, phí dịch vụ bảo vệ, điện, nước, văn phòng phẩm, chi phí quản lý dự án...
 - Sau khi Dự Án Tam Đảo đủ điều kiện chuyển nhượng, VLC và JVL sẽ cùng rà soát, tính toán để thống nhất Giá chuyển nhượng cuối cùng mà JVL có nghĩa vụ thanh toán cho VLC. Giá chuyển nhượng sẽ được căn trừ với số tiền tạm ứng mà JVL đã cấp cho VLC để thực hiện Dự Án Tam Đảo.

- Để có cơ sở thực hiện giao dịch chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo, các bên liên quan sẽ ký kết các tài liệu, văn kiện và hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây: (i) VLC, JVL và Tập đoàn Sojitz sẽ ký kết thỏa thuận khung về việc hợp tác đầu tư Dự Án Tam Đảo đề hướng tới việc chuyển nhượng dự án và (ii) JVL và VLC sẽ ký kết thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng dự án và hợp đồng chuyển nhượng dự án (“**Tài liệu giao dịch chủ chốt**”).
- (iii) Ủy quyền cho HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của VLC thực hiện các nội dung sau:
- Theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Dự Án Tam Đảo;
 - Đàm phán, thống nhất với JVL về Giá chuyển nhượng cuối cùng căn cứ vào các chi phí thực tế phát sinh và theo nguyên tắc được nêu tại Mục (ii) nói trên;
 - Thông qua và thực hiện các quyết định liên quan đến việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo theo nội dung đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
 - Đàm phán, quyết định và ký kết các tài liệu giao dịch chủ chốt và các hợp đồng, thỏa thuận, văn kiện, tài liệu khác có liên quan đến việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo với JVL, Tập đoàn Sojitz và các bên liên quan.
 - Thực hiện hoặc tổ chức thực hiện (bao gồm cả việc ủy quyền lại cho người đại diện phần vốn góp của VLC tại JVL, và các cá nhân/tổ chức khác để thực hiện) các công việc, thủ tục cần thiết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc chuyển nhượng Dự Án Tam Đảo cho JVL.

13. Kế hoạch phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty

- a. Mục đích chào bán: Mục đích phát hành: huy động vốn để tăng phần vốn góp của VLC tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, qua đó triển khai thực hiện Dự Án Bò Thịt.

Ngoài mục đích nêu trên, HĐQT được toàn quyền sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để thực hiện linh hoạt các mục đích khác bao gồm mua sắm tài sản, đầu tư dự án hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đầu tư vào các dự án của các công ty con, góp vốn vào các công ty con, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ về mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- b. Tổng số lượng cổ phần đăng ký chào bán thêm là tối đa 24.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ phát hành là **13,92546%** trên số lượng cổ phần đang lưu hành. Số cổ phần chào bán thêm cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định theo quy định tại Điểm (e) dưới đây.

Vi dụ 1: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A đang sở hữu 1.148 cổ phiếu, số cổ phiếu được quyền mua theo phương án chào bán là $1.148 \times 139.254,6 : 1.000.000 = 159,86$. Sau khi làm tròn xuống, số cổ phiếu cổ đông A được đăng ký mua là 159 cổ phiếu và 0,86 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua. Số cổ phiếu lẻ này sẽ được ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định theo quy định tại Điểm (e) dưới đây.

- c. Giá chào bán: 25.000 đồng/ cổ phần;

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 600.000.000.000 đồng.

Tổng giá trị cổ phần chào bán ra công chúng (theo mệnh giá): tối đa 240.000.000.000 đồng.

- d. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phần.

Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: Ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền sau khi nhận được sự phê duyệt hồ sơ phát hành của các cơ quan nhà nước có liên quan trong năm 2022 hoặc không được chậm hơn ngày 30/06/2023;

e. Trong trường hợp toàn bộ cổ phần đăng ký chào bán thêm tại Điểm (b) nói trên không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu do có cổ đông không đăng ký mua hết hoặc phát sinh cổ phiếu lẻ thì toàn bộ số cổ phần chưa phân phối hết này sẽ được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông theo nguyên tắc như sau:

- (i) Bán bằng giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu có đăng ký mua thêm cổ phần bằng văn bản gửi về Công ty. Mỗi cổ đông được quyền đăng ký mua thêm tối đa bằng số lượng quyền mua cổ phần chào bán thêm quy định tại Điểm (b) nêu trên.
- (ii) Trường hợp có nhiều cổ đông đăng ký mua thêm và tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm lớn hơn số cổ phần chưa phân phối hết thì áp dụng nguyên tắc phân phối tiếp số lượng cổ phần cho từng cổ đông đăng ký mua thêm như sau:

$$\text{Tổng số lượng cổ phần chưa phân phối hết} = \frac{\text{Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua thêm}}{\text{Số lượng đăng ký mua thêm của mỗi cổ đông}}$$

Số lượng cổ phần được mua thêm sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ 2: Tổng số lượng cổ phần chưa phân phối hết là 2.000.000 cổ phần. Có 55 cổ đông đăng ký mua thêm với tổng số lượng đăng ký mua thêm là 4.000.000 cổ phần. Trong đó, cổ đông A ở ví dụ 1 đăng ký mua thêm 159 cổ phần (bằng số lượng tối đa được đăng ký mua thêm ngoài số lượng quyền mua 159 đã đăng ký mua tại ví dụ 1) thì cổ đông A được mua tiếp = $(2.000.000 \times 159) / 4.000.000 = 79,5$ cổ phần, làm tròn xuống còn 79 cổ phần. 0,5 cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ bị hủy bỏ.

f. Hạn chế chuyển nhượng:

- Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua quy định tại Điểm (b) không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu và được HĐQT quyết định phân phối lại cho các cổ đông theo quy định tại Điểm (e) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

g. Quyền mua cổ phần chào bán thêm không được phép chuyển nhượng;

h. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: tối thiểu 70% tổng số cổ phần dự kiến chào bán

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ theo đúng như dự kiến, Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền thu được từ đợt chào bán cho các cổ đông.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án: Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.

i. Số cổ phần chào bán thêm sẽ được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết bổ sung theo quy định của pháp luật chứng khoán;

j. Các công việc giao/ủy quyền cho HĐQT thực hiện bao gồm:

- Xây dựng, phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện chào bán. Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết Phương án chào bán nêu trên theo đề nghị của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án phát hành cổ phần này đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty, đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.
- Hoàn tất thủ tục chào bán, báo cáo kết quả chào bán, đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết và giao dịch cổ phiếu chào bán thêm sau khi nhận được các phê duyệt cần thiết từ Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) và các cơ quan có thẩm quyền khác;

- Xây dựng phương án chào bán đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lập, quyết định chi tiết mục đích, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán này; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế bảo đảm lợi ích của Công ty, cổ đông và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- Thực hiện tất cả các thủ tục, công việc cần thiết để thay đổi, đăng ký giao dịch hoặc niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán, điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán tại VSD cho toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo kết quả của đợt chào bán
- Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ của Công ty để cập nhật vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất việc chào bán thêm cổ phần, thực hiện thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- HĐQT được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) thực hiện một hoặc một số công việc được giao nêu trên.

14. Thông qua việc chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu VLC qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (“HOSE”)

- Thông qua việc chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: VLC) từ sàn UPCOM qua niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (“HOSE”);
- Giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu của VLC trên HOSE;
- Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện: năm 2022, 2023 cho đến khi hoàn tất niêm yết cổ phiếu VLC trên HOSE.

15. Miễn nhiệm thành viên HĐQT

ĐHCĐ thông qua việc từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Trần Chí Sơn.

16. Miễn nhiệm thành viên BKS

ĐHCĐ thông qua việc từ nhiệm chức vụ thành viên BKS của ông Trịnh Công Tuyển.

17. Thông qua số lượng thành viên HĐQT

ĐHCĐ thông qua số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người.

18. Bầu bổ sung thành viên HĐQT

ĐHCĐ bầu những người có tên sau đây làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2024:

- 1)
- 2); và

3)

19. Bầu bổ sung thành viên BKS

ĐHĐCĐ bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2020-2024.

Điều 2: Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, các Cổ đông của Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

MAI KIỀU LIÊN

DỰ THẢO